

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MẦM NON

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN**

**THỰC TRẠNG GIÁO DỤC GIỚI TÍNH CHO HỌC SINH KHỐI 5 Ở
TRƯỜNG TIỂU HỌC
LÊ HỒNG PHONG, THÀNH PHỐ NINH BÌNH**

Chủ nhiệm đề tài: VŨ THỊ MINH ÁNH

Lớp: D16TH1

Ngành: GIÁO DỤC TIỂU HỌC

NINH BÌNH, 2025

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MÀM NON**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN**

**THỰC TRẠNG GIÁO DỤC GIỚI TÍNH CHO HỌC SINH KHỐI 5 Ở
TRƯỜNG TIỂU HỌC
LÊ HỒNG PHONG, THÀNH PHỐ NINH BÌNH**

**Chủ nhiệm đề tài: VŨ THỊ MINH ÁNH
Các thành viên: NGUYỄN THỊ MAI ANH
PHẠM NGUYỄN THANH THẢO
TRỊNH THU THẢO
PHẠM THỊ ANH THU**

Lớp: D16TH1

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Thị Loan

Xác nhận của GV hướng dẫn

Chủ nhiệm đề tài

NINH BÌNH, 2025

BẢNG KÍ HIỆU CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nghĩa của từ
GDGT	Giáo dục giới tính
GVTH	Giáo viên tiểu học
CBGV	Cán bộ giáo viên
SKSS	Sức khỏe sinh sản
TH	Tiểu học
HS	Học sinh
GV	Giáo viên
NXB	Nhà xuất bản
TP HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
HĐNGLL	Hoạt động ngoài giờ lên lớp
BGH	Ban Giám hiệu
LHP	Lê Hồng Phong
QTGD	Quá trình giáo dục
NDDH	Nội dung dạy học
CBQL	Cán bộ quản lý
XH	Xã hội
TNTP	Thanh niên Tiên phong
TNCS	Thanh niên Cộng sản
HCM	Hồ Chí Minh

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1. Nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên về mức độ cần thiết của giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học.....	15
Bảng 2.2. Nhận thức của học sinh với hoạt động giáo dục giới tính trong trường tiểu học.....	16
Bảng 2.3. Kết quả thực hiện mục tiêu giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học.....	19
Bảng 2.4. Kết quả khảo sát mức độ thực hiện các nguyên tắc giáo dục giới tính.....	21
Bảng 2.5. Kết quả khảo sát mức độ thực hiện các nội dung giáo dục giới tính.....	22
Bảng 2.6. Kết quả khảo sát mức độ thực hiện các phương pháp giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học lớp 5	23
Bảng 2.7. Kết quả khảo sát mức độ thực hiện giáo dục giới tính qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp cho học sinh tiểu học lớp 5.....	24
Bảng 2.8. Mức độ giáo viên được tập huấn về giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học.....	25
Bảng 2.9. Mức độ đáp ứng các điều kiện trong quá trình dạy giáo dục giới tính.....	26

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1. Nhận thức về sự hình thành cơ thể người của học sinh	35
Biểu đồ 2.2. Nhận thức về các giai đoạn phát triển chính của con người của học sinh.....	36
Biểu đồ 2.3. Nhận thức về “nam và nữ” của học sinh.....	37

MỤC LỤC

BẢNG KÍ HIỆU CÁC CHỮ VIẾT TẮT	i
DANH MỤC BẢNG	ii
DANH MỤC BIỂU ĐỒ	iii
MỞ ĐẦU.....	vi
1. Tổng quan tình hình nghiên cứu	vi
1.1. Trên thế giới	vi
1.2. Ở Việt Nam	vii
2. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu	viii
3. Mục tiêu nghiên cứu	ix
4. Đối tượng nghiên cứu	ix
5. Phạm vi nghiên cứu	ix
6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu	ix
6.1. Cách tiếp cận	ix
6.2. Phương pháp nghiên cứu đề tài	ix
NỘI DUNG NGHIÊN CỨU	1
CHƯƠNG 1 - CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VẤN ĐỀ GIÁO DỤC GIỚI TÍNH CHO HỌC SINH TIỂU HỌC.....	1
1.1. Một số khái niệm cơ bản	1
1.1.1. Giới	1
1.1.2. Giới tính	2
1.1.3. Giáo dục giới tính	2
1.2. Một số đặc điểm tâm sinh lý của học sinh tiểu học	3
1.2.1. Đặc điểm phát triển cơ thể.....	3
1.2.2. Đặc điểm nhận thức	4
1.2.3. Đặc điểm tình cảm	5
1.2.4. Đặc điểm hành vi	6
1.3. Vấn đề giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học	6
1.3.1. Mục tiêu của giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học	6
1.3.2. Nguyên tắc giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học	7
1.3.3. Nội dung giáo dục giới tính cho học sinh lớp 5 thông qua môn Khoa học.....	8
1.3.4. Các phương pháp được sử dụng để giáo dục giới tính cho học sinh lớp 5 thông qua môn Khoa học.	10
1.3.5. Hình thức giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học	10
Kết luận chương 1.....	12
CHƯƠNG 2 - THỰC TRẠNG GIÁO DỤC GIỚI TÍNH CHO HỌC SINH KHỐI 5 Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ HỒNG PHONG, THÀNH PHỐ NINH BÌNH.....	14
2.1. Khái quát quá trình khảo sát thực trạng.....	14
2.1.1. Mục đích khảo sát.....	14
2.1.2. Nội dung khảo sát.....	14
2.1.3. Các bước tiến hành khảo sát.....	14

2.1.4. Thời gian tiến hành khảo sát	15
2.2. Kết quả khảo sát thực trạng	15
2.2.1. Kết quả nhận thức của CBQL, GV và học sinh tiểu học về tầm quan trọng và mức độ cần thiết của công tác giáo dục giới tính.	15
2.2.2. Kết quả khảo sát thực trạng của việc giáo dục giới tính cho học sinh lớp 5 thông qua môn Khoa học của trường Tiểu học Lê Hồng Phong.....	18
CHƯƠNG 3 - ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP GIÁO DỤC GIỚI TÍNH PHÙ HỢP VỚI THỰC TRẠNG GIÁO DỤC GIỚI TÍNH CỦA TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ HỒNG PHONG.....	27
3.1. Các nguyên tắc đề xuất biện pháp.....	27
3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mục tiêu.....	27
3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi	27
3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học.....	27
3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống	28
3.2. Đề xuất một số biện pháp giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học	28
3.2.1. Nâng cao nhận thức cho học sinh tiểu học về ý nghĩa và tầm quan trọng của giáo dục giới tính	28
3.2.2. Đa dạng hoá các phương pháp, hình thức hoạt động giáo dục giới tính phù hợp với học sinh lớp 5.	28
3.2.3. Phối hợp tích cực giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc GDGT cho học sinh.	29
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	31
1. Kết luận	31
2. Kiến nghị	31
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	49
PHỤ LỤC	0

MỞ ĐẦU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1. Trên thế giới

Vấn đề giáo dục giới tính (GDGT) đã được đưa vào học đường từ những năm 1970 của thế kỷ XX, ban đầu tập trung ở lứa tuổi thanh thiếu niên và dần dần chuyển sang độ tuổi mầm non, tiểu học ở một số quốc gia. Đặc biệt là giáo dục trẻ em biết trân trọng yêu quý bản thân, từ đó biết quý trọng người khác. Các em hiểu bản thân, giới tính của mình mới biết bảo vệ mình khỏi những cám dỗ, xâm hại bên ngoài cũng như biết tôn trọng thân thể người khác. Đó chính là quá trình giúp các em hoàn thiện nhân cách bản thân. Lứa tuổi tiểu học là lứa tuổi có nhiều sự thay đổi và phát triển không chỉ về sinh lý cơ thể mà còn thay đổi cả về suy nghĩ, cảm xúc.

Quan điểm của V.I.Lênin: “Cùng với việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, vấn đề quan hệ giới tính, vấn đề hôn nhân gia đình cũng được coi là cấp bách” [1].

Năm 1921, Thụy Điển là nước đầu tiên nghiên cứu về vấn đề giáo dục giới tính. Ngay từ thời điểm đó, Thụy Điển đã coi tình dục là quyền tự do của con người, là quyền bình đẳng nam nữ, là trách nhiệm đạo đức của mỗi công nhân đối với xã hội. Sau Thụy Điển thì các nước Đông Âu, Tây Âu, Bắc Âu cũng quan tâm đến vấn đề này. Hầu hết các nước này đều coi giáo dục giới tính là vấn đề lành mạnh, đem lại tự do cho con người [4].

Tại Đức, GDGT được tiến hành từ năm 1970, đến năm 1992 thì GDGT đã được tiến hành trong các trường phổ thông. Nội dung GDGT bao gồm các kiến thức về giới tính, GDGT, đồng tính, mang thai ngoài ý muốn và xâm hại tình dục, các phòng tránh xâm hại tình dục [4].

Ở Hà Lan, GDGT bắt đầu từ khi trẻ em 4 tuổi, các chương trình GDGT khuyến khích thận trọng và giúp HS phát triển các kỹ năng để bảo vệ chống cưỡng bức, đe dọa và lạm dụng. Trẻ em 8 tuổi học về cấu tạo cơ thể nói chung, cơ quan sinh dục nói riêng và khuôn mẫu giới. Trẻ em 11 tuổi thảo luận về khuynh hướng tình dục và các biện pháp tránh thai [4].

Tại Châu Á, vấn đề giới tính luôn được coi là vấn đề nhạy cảm, cấm kỵ trong một thời gian dài, đặc biệt là tại các nước có nền văn hoá phong kiến hoặc bởi các đạo luật hà khắc trong tôn giáo như Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Indonesia... Tuy nhiên trước thách thức của vấn đề gia tăng dân số, vấn đề nạo phá thai, chất lượng dân số giảm sút đã buộc các nước tại khu vực châu Á phải thay đổi quan điểm và coi trọng vấn đề sức khoẻ sinh sản, dân số như: Indonesia,

Mông Cổ, Hàn Quốc có khung chính sách hệ thống về việc giảng dạy giới tính trong các trường học [4].

1.2. Ở Việt Nam

Vấn đề GDGT được đưa vào chương trình nhà trường muộn hơn so với thế giới, từ những năm đầu thập kỷ trước các vấn đề GDGT mới được đưa vào nội dung dạy trong nhà trường [4].

Từ năm 1994, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã bước đầu thực hiện việc thể chế hoá công tác giáo dục dân số và SKSS vị thành niên. Trong 5 thông điệp về giáo dục dân số được lồng ghép vào nội dung các môn học ở nhà trường có một thông điệp quan trọng là “Giáo dục SKSS và giới tính”. Đây cũng là một vấn đề đang được xã hội và ngành giáo dục đặc biệt quan tâm, do số trẻ em bị bắt cóc và xâm hại ngày càng tăng cao. Kiến thức về GDGT tích hợp vào chương trình học tập của học sinh, vừa đáp ứng được nhu cầu của phụ huynh, vừa đáp ứng được nội dung và tiêu chuẩn của giáo dục. Trong thực tế, đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về đặc điểm giới, giới tính và tài liệu hướng dẫn về GDGT được phổ biến trong cộng đồng. Theo chương trình hiện hành, kiến thức về GDGT được tích hợp thông qua các môn học và hoạt động của HS. GDGT được tích hợp trong phân môn Khoa học lớp 5 thuộc chủ đề “Con người và sức khỏe” với nội dung mang nặng tính lí thuyết hàn lâm. Theo tác giả Nguyễn Tùng Lâm, chủ tịch Hội Tâm lí giáo dục Hà Nội đánh giá, các trường cũng có chuyên đề về giới tính nhưng nặng về lí thuyết và việc GDGT trong nhà trường chưa hiệu quả [4].

Trong khi đó sự tăng tốc rất nhanh về sinh lí và tâm lí của HS tiểu học tại các thành phố lớn kéo theo giai đoạn tiền dậy thì bắt đầu sớm hơn. Do vậy, việc trang bị kiến thức về giới tính là vô cùng cần thiết. Nhiều phụ huynh và thầy cô luôn né tránh, hoặc có thể quát mắng học sinh khi nhận được các câu hỏi về vấn đề giới tính. Cách ứng xử như vậy là sai lầm nghiêm trọng, dẫn đến việc các thắc mắc của học sinh không được giải đáp thỏa đáng sẽ khơi gợi sự tò mò trong suy nghĩ. Nghiêm trọng hơn, chính sự tò mò sẽ thôi thúc học sinh tự tìm hiểu về giới tính và tình dục bằng các thông tin đang tràn ngập trên internet không được kiểm soát. HS không được dạy học và luyện tập các kĩ năng bảo vệ bản thân, phòng chống xâm hại là nguyên nhân dẫn đến hàng loạt các hậu quả nghiêm trọng đã xảy ra. Trong thực tế, hầu hết phụ huynh đều cho rằng, nhà trường là nơi có thể thực hiện GDGT một cách khoa học và hiệu quả nhất.

Về vấn đề GDGT, Bùi Ngọc Oánh cho rằng: trẻ em từ sớm đã quan tâm đến các vấn đề về giới tính, đặc biệt là về tình dục. Sự quan tâm này không gắn với các thể nghiệm tình dục mà là tính tò mò thường tình của các em: những đặc điểm của bạn khác giới mà mình không có, về việc mình được sinh ra như thế nào,... Đến độ tuổi dậy thì, sự quan tâm đó của các em càng trở nên mạnh mẽ

hơn. Do đó, các em cần phải được hướng dẫn và giáo dục chu đáo. Nếu che giấu, trả lời úp mở và né tránh vấn đề giáo dục giới tính cho các em, sẽ có thể dẫn tới nhiều tác hại to lớn: các em dễ dàng hiểu lầm về quan hệ nam nữ, tình yêu, tình dục,.. Việc giáo dục, hướng dẫn các em cũng không nên “bóc trần” mà cần phải hết sức cẩn trọng và tế nhị. Nhà trường, giáo viên và phụ huynh cần phải chọn lựa nội dung, mức độ, những hình thức giáo dục phù hợp với lứa tuổi, tôn giáo và phong tục tập quán của từng địa phương. Việc giáo dục giới tính phải được giáo dục một cách toàn diện, kết hợp truyền thụ tri thức với việc giáo dục những thái độ đúng đắn, cần thiết [1].

2. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong những năm gần đây, hiện tượng dậy thì sớm đang tăng lên, nhiều học sinh dậy thì ngay khi ở cuối cấp tiểu học (thậm chí học sinh lớp 3). Do đó, việc dạy các em những bài học liên quan đến giới tính là không quá sớm.

Giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học là một nhu cầu cấp thiết trong đời sống hàng ngày, đặc biệt trong bối cảnh xã hội hiện đại với nhiều thách thức đối với an toàn và sự phát triển toàn diện của trẻ em.

Tuy nhiên, giáo dục giới tính cho học sinh nói chung và học sinh tiểu học nói riêng chưa được thực hiện rộng rãi và phổ biến trong các nhà trường mà chỉ được thực hiện lồng ghép thông qua các môn học như Tiếng Việt, Đạo đức, Khoa học (lớp 5)... Những kiến thức về giới tính thường chỉ được giáo viên đưa ra dưới dạng những câu chuyện bên ngoài giờ học. Đồng thời, không ít giáo viên vẫn còn e ngại và lúng túng, lảng tránh khi đề cập đến những bài học này. Bên cạnh đó, tình trạng trẻ bị lạm dụng tình dục diễn ra khá nhiều và trở thành nỗi lo lắng không những của các bậc phụ huynh mà còn của toàn xã hội. Hàng loạt vụ tố cáo trẻ bị xâm hại tình dục đang khiến dư luận phẫn nộ. Vậy đối với học sinh lớp 5 chúng ta cần phải giáo dục giới tính như thế nào để nâng cao hiểu biết của các em về giới mà không làm mất đi vẻ ngây thơ, trong sáng của lứa tuổi, giúp các em tự tin bước vào giai đoạn chính của tuổi dậy thì.

Thực tế cho thấy, tại Ninh Bình, giáo dục giới tính ở lứa tuổi tiểu học vẫn là một vấn đề mới, chưa được chú trọng và chưa có nhiều đề tài nghiên cứu về giáo dục giới tính cho học sinh lớp 5. Trong khi đây là lứa tuổi mà các em bắt đầu trải qua những thay đổi sinh lý đầu tiên và cần có sự hướng dẫn để hiểu và quản lý các thay đổi này. Việc thiếu nghiên cứu và tài liệu khoa học cụ thể làm cho các trường học gặp nhiều khó khăn trong việc triển khai giáo dục giới tính một cách hệ thống và hiệu quả.

Do đó, việc thực hiện nghiên cứu về giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học tại Ninh Bình không chỉ đáp ứng nhu cầu cấp thiết trong đời sống hàng ngày, mà còn là một đóng góp mới trong lĩnh vực này, giúp xây dựng cơ sở khoa học

và thực tiễn để triển khai các biện pháp giáo dục giới tính phù hợp cho học sinh tiểu học trên địa bàn. Vì vậy chúng tôi lựa chọn đề tài “Thực trạng GDGT cho học sinh khối 5 ở trường Tiểu học Lê Hồng Phong, Thành phố Ninh Bình”. Kết quả nghiên cứu đề tài sẽ là nguồn tài liệu tham khảo cho giảng viên, sinh viên đang theo học ngành Giáo dục Tiểu học tại trường Đại học Hoa Lư; góp phần nâng cao hiểu biết về thực trạng GDGT, giúp ích cho công việc giảng dạy ở trường Tiểu học sau này.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu về thực trạng giáo dục giới tính của học sinh khối 5, từ đó đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học.

4. Đối tượng nghiên cứu

Công tác giáo dục giới tính cho học sinh khối 5 ở trường tiểu học Lê Hồng Phong.

5. Phạm vi nghiên cứu

- Nội dung nghiên cứu: Nghiên cứu tập trung vào việc tìm hiểu mức độ nhận thức, thái độ của học sinh về giới tính; nhận thức, mức độ thực hiện nội dung GDGT của cán bộ quản lý và giáo viên; đồng thời xem xét những điều kiện ảnh hưởng đến việc GDGT tại trường Tiểu học Lê Hồng Phong. Trên cơ sở đó, đề tài đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh lớp 5 tại trường tiểu học Lê Hồng Phong.

- Nghiên cứu được tiến hành trên 3 cán bộ quản lý, 5 giáo viên chủ nhiệm khối 5 và 196 học sinh lớp 5 tại Trường Tiểu học Lê Hồng Phong, thành phố Ninh Bình.

- Thời gian nghiên cứu: tháng 11 năm 2024 đến tháng 10 năm 2025.

6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

6.1. Cách tiếp cận

Tiếp cận từ lý thuyết → ứng dụng vào thực tiễn.

6.2. Phương pháp nghiên cứu đề tài

- Phương pháp nghiên cứu lý thuyết:
+ PP phân loại, hệ thống hóa lý thuyết: nghiên cứu các bài viết, công trình khoa học liên quan đến đề tài.

+ PP phân tích, tổng hợp: nghiên cứu vấn đề giáo dục giới tính ở tiểu học, xây dựng cơ sở khoa học của đề tài.

- Phương pháp nghiên cứu thực tiễn:

+ PP điều tra, khảo sát: khảo sát thực trạng giáo dục giới tính cho học sinh khối 5 ở trường Tiểu học Lê Hồng Phong thành phố Ninh Bình.

+ PP thống kê toán học: thống kê, phân loại, xử lý số liệu khảo sát thực trạng.

NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1 - CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA VẤN ĐỀ GIÁO DỤC GIỚI TÍNH CHO HỌC SINH TIỂU HỌC

1.1. Một số khái niệm cơ bản

1.1.1. Giới

Giới xuất phát từ "Gender" trong tiếng Anh.

Giới là một khái niệm rất phức tạp, được hiểu theo nhiều nghĩa:

Theo góc độ sinh học, “Giới” được hiểu là một tập hợp những đặc điểm sinh lý cơ thể đặc trưng của con người (ở động vật, giới ở đây có nghĩa là giống. Trong động vật có giống đực và giống cái). Những đặc điểm sinh lý cơ thể thường bao gồm những đặc điểm di truyền, những hệ cơ quan sinh lý cơ thể, điển hình và quan trọng nhất là hệ cơ quan sinh dục. Ở con người có hai hệ cơ quan sinh dục chính là hệ cơ quan sinh dục nam và hệ cơ quan sinh dục nữ, vì vậy loài người có hai giới đó là giới nam và giới nữ. Dưới ảnh hưởng chủ yếu của hoạt động của hệ cơ quan sinh dục, cơ thể con người còn có những biến đổi khác, tạo nên những đặc điểm của giới về hệ xương và hệ cơ, chiều cao và cân nặng, tỷ lệ giữa người và mỡ, hình dáng đặc trưng của cơ thể nam và cơ thể nữ, sức lực của từng giới và nhiều đặc điểm sinh lý cơ thể khác. Do cấu tạo sinh lý cơ thể khác nhau, ở mỗi giới có những chức năng sinh lý khác nhau như: nữ giới có khả năng thụ thai, sinh nở, có hiện tượng kinh nguyệt... Nam giới không có những chức năng trên, nhưng thường cao lớn, khỏe mạnh, có khả năng sản xuất tinh trùng...

Theo góc độ xã hội, “Giới” là những đặc điểm do xã hội tạo ra, do những quy định luật lệ đòi hỏi,... của xã hội đối với con người là nam hay nữ. Ban đầu dưới ảnh hưởng của đặc tính về sinh lý cơ thể như chiều cao, tầm vóc, sức mạnh..., người nam và người nữ được phân công những công việc, những vai trò khác nhau trong đời sống xã hội. Dần dần ở mỗi người, mỗi giới tạo nên những đặc tính về mặt xã hội như vai trò của gia đình, địa vị xã hội, nhu cầu về đời sống tình cảm... Những yếu tố trên chịu sự tác động của xã hội, của lịch sử tạo nên những đặc điểm, chức năng, vai trò xã hội khác nhau. Giới được thể hiện ở vai trò, chức năng, nghĩa vụ xã hội. Khi nói đến giới xã hội, có nhiều vấn đề được quan tâm như:

- Vai trò của người nam, người nữ trong xã hội.
- Sự phân công lao động trong xã hội cho người nam và người nữ.
- Sự bình đẳng nam giới và nữ giới (vấn đề bình đẳng giới).

- Những quan điểm đánh giá về vai trò của người nam và người nữ trong xã hội.
- Sự phát triển, sự tiến bộ của con người ở mỗi giới trong xã hội.
- Mối quan hệ xã hội và sự cư xử giữa hai giới.

Tổng quát hơn có thể định nghĩa “Giới” như sau:

Giới là sự kết hợp giữa những đặc điểm sinh lý cơ thể đặc trưng ở con người với vai trò, trách nhiệm, quyền lợi mà xã hội quy định, đòi hỏi cho nam nữ.

1.1.2. Giới tính

Giới tính (Sex) - theo Từ điển Tâm lý học (2008) - "là những khác biệt giữa nam và nữ về cả yếu tố sinh học lẫn yếu tố tâm lý".

Theo góc độ sinh học, giới tính là tập hợp những dấu hiệu gene tương phản của những cá thể một loài. Sự khác biệt giới về mặt sinh học dễ nhận thấy và quan trọng nhất là cấu tạo và chức năng của hệ cơ quan sinh dục, sau đó là hình thái, cấu tạo và chức năng của các hệ cơ quan khác trong cơ thể (bộ xương của phụ nữ nhỏ hơn, xương chân tay ngắn hơn; cơ bắp của nam giới phát triển tốt hơn; lượng mỡ trong cơ thể của phụ nữ nhiều hơn so với nam giới, đặc biệt là ở hông, ngực, bụng,...); hiện tượng dậy thì (bé gái dậy thì sớm hơn bé trai), tuổi thọ (bình quân tuổi thọ của nam giới ngắn hơn nữ giới 6-8 năm)... [4].

Theo góc độ xã hội, giới tính là tổ hợp những đặc điểm cơ thể, di truyền, văn hóa - xã hội, hành vi đảm bảo vị thế cá nhân, xã hội và pháp lý của từng người nam giới và nữ giới. Sự khác biệt giới tính thể hiện qua hành vi xã hội, nhu cầu, thái độ, hoạt động, tình cảm, ý chí, tính cách, năng lực, xu hướng của nam giới và phụ nữ; vai trò, trách nhiệm và quyền lợi mà xã hội quan niệm hay quy định cho từng giới; các mối quan hệ và hoạt động xã hội; tư thế, phong cách ăn mặc, trang điểm; các vấn đề thẩm mỹ giới tính và đạo đức giới tính... Do có sự khác biệt đó mà giới nam và giới nữ thường có những vai trò, vị trí khác nhau trong xã hội và trong gia đình.

Giới tính cũng có thể được hiểu là tất cả những đặc điểm riêng biệt về mặt giải phẫu sinh lý cơ thể và tâm lý, tạo nên sự khác nhau giữa nam và nữ. [4]

1.1.3. Giáo dục giới tính

Theo Trần Trọng Thủy, Đặng Xuân Hoài cho rằng, giáo dục giới tính có phạm vi rất rộng lớn, tác động toàn diện đến tâm lý, đạo đức con người, "là hình thành tiêu chuẩn đạo đức của hành vi có liên quan đến lĩnh vực thầm kín của đời sống con người, hình thành những quan niệm đạo đức lành mạnh giữa em trai và em gái, thanh nam và thanh nữ, giáo dục những sự "kiềm chế có đạo đức", sự thuần khiết và trong sáng về đạo đức trong tình cảm của các em." [5]

Theo Phạm Hoàng Gia, giáo dục giới tính phải được xem xét như một bộ phận hợp thành của nền giáo dục xã hội. Nó có mối liên hệ mật thiết với giáo

dục dân số, kế hoạch hóa gia đình, hôn nhân-gia đình và với các mặt giáo dục khác trong nhà trường phổ thông. Do vậy cần phải tiến hành công tác giáo dục giới tính một cách đồng thời, đồng bộ trong mỗi quan hệ có tính chất hệ thống với các mặt giáo dục khác.

Từ những quan niệm trên, Bùi Ngọc Oánh đã kết luận: "Giáo dục giới tính là quá trình giáo dục con người (thanh thiếu niên), nhằm làm cho họ có nhận thức đầy đủ, có thái độ đúng đắn về giới tính và quan hệ giới tính, có nếp sống văn hóa giới tính, hướng hoạt động của họ vào việc rèn luyện để phát triển nhân cách toàn diện, phù hợp với giới tính, giúp cho họ biết tổ chức tốt nhất cuộc sống riêng cũng như xây dựng gia đình hạnh phúc, xã hội phát triển"[1].

Có thể thấy mỗi tác giả tiếp cận giáo dục giới tính dưới góc độ khác nhau nhưng đều hướng tới sự phát triển nhân cách toàn diện cho con người. Vì vậy, *“giáo dục giới tính là quá trình giáo dục có định hướng, có mục đích nhằm giúp cho người học có được sự nhận thức đầy đủ, những kỹ năng cần thiết và thái độ đúng đắn đối với những vấn đề liên quan tới giới tính để từ đó có cách ứng xử phù hợp với giới tính, hình thành được nhân cách tốt.”*[4]

1.2. Một số đặc điểm tâm sinh lý của học sinh tiểu học

1.2.1. Đặc điểm phát triển cơ thể

Học sinh tiểu học (từ 6 đến 11 tuổi) đang ở giai đoạn cuối của thời kỳ thơ ấu và chuẩn bị bước vào tuổi thiếu niên. Đây là giai đoạn có nhiều biến đổi về thể chất, tạo nền tảng cho sự phát triển toàn diện sau này. Chiều cao và cân nặng của trẻ phát triển tương đối đồng đều. Sự phát triển này tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động học tập và vui chơi, tuy nhiên vẫn có sự khác biệt rõ rệt giữa nam và nữ, cũng như giữa các cá nhân. Hệ cơ – xương dần hoàn thiện, xương và cơ bắp của trẻ ngày càng rắn chắc hơn, khả năng vận động và phối hợp động tác ngày càng linh hoạt. Nhu cầu vận động của trẻ cao, việc tham gia các hoạt động thể chất thường xuyên không chỉ giúp phát triển cơ thể khỏe mạnh mà còn hỗ trợ sự phát triển trí tuệ và tinh thần. Tuy vậy, hệ xương vẫn còn đang trong quá trình cốt hóa, do đó trẻ dễ bị ảnh hưởng nếu mang vác nặng hoặc ngồi học sai tư thế. Sự phát triển của các cơ quan bên trong như tim, phổi, hệ tiêu hóa và hệ thần kinh của học sinh tiểu học phát triển tương đối hoàn chỉnh, đáp ứng nhu cầu học tập và sinh hoạt. Tuy nhiên, sức đề kháng của trẻ vẫn còn hạn chế, dễ mắc các bệnh truyền nhiễm, cần có chế độ dinh dưỡng và rèn luyện hợp lý.

Biểu hiện ban đầu của tuổi dậy thì, một số em đã bắt đầu có những dấu hiệu sớm của tuổi dậy thì như thay đổi vóc dáng, xuất hiện sự khác biệt rõ rệt giữa nam và nữ về thể chất. Đây là yếu tố quan trọng đặt ra yêu cầu cần giáo dục giới tính phù hợp, giúp các em hiểu đúng và có thái độ tích cực về sự phát triển cơ thể.

1.2.2. Đặc điểm nhận thức

Nhận thức cảm tính

Các cơ quan cảm giác: Thị giác, thính giác, vị giác, khứu giác, xúc giác đều phát triển và đang trong quá trình hoàn thiện. Tri giác: Tri giác của học sinh tiểu học mang tính đại thể, ít đi vào chi tiết và mang tính không ổn định: ở đầu tuổi tiểu học tri giác thường gắn với hành động trực quan, đến cuối tuổi tiểu học tri giác bắt đầu mang tính xúc cảm, trẻ thích quan sát các sự vật hiện tượng có màu sắc sặc sỡ, hấp dẫn; tri giác của trẻ đã mang tính mục đích, có phương hướng rõ ràng - Tri giác có chủ định (trẻ biết lập kế hoạch học tập, biết sắp xếp công việc nhà, biết làm các bài tập từ dễ đến khó,...). Nhận thấy điều này chúng ta cần phải thu hút trẻ bằng các hoạt động mới, mang màu sắc, tích chất đặc biệt khác lạ so với bình thường, khi đó sẽ kích thích trẻ cảm nhận, tri giác tích cực và chính xác.

Nhận thức lý tính

Tư duy của học sinh tiểu học mang đậm màu sắc xúc cảm, chủ yếu là tư duy trực quan hành động. Các phẩm chất tư duy dần chuyển từ cụ thể sang trừu tượng, khả năng khái quát hóa phát triển theo độ tuổi. Ở lớp 4, 5, học sinh đã biết khái quát hóa lý luận nhưng kỹ năng phân tích, tổng hợp còn hạn chế. Tưởng tượng của các em phong phú hơn nhờ sự phát triển của não bộ và vốn kinh nghiệm. Đầu tiểu học, hình ảnh tưởng tượng còn đơn giản, chưa ổn định. Cuối tiểu học, tưởng tượng tái tạo và sáng tạo dần hoàn thiện. Trẻ có khả năng tạo ra hình ảnh mới từ kinh nghiệm cũ. Tưởng tượng chịu ảnh hưởng mạnh từ xúc cảm và trải nghiệm cá nhân. Vì vậy, giáo viên cần khơi gợi tư duy, tưởng tượng qua hình ảnh sinh động, câu hỏi gợi mở. Đồng thời tổ chức hoạt động tập thể giúp học sinh phát triển toàn diện nhận thức lý tính.

Ngôn ngữ và sự phát triển nhận thức của học sinh tiểu học

HSTH hầu hết đã thành thạo ngôn ngữ nói. Khi vào lớp 1, trẻ bắt đầu hình thành ngôn ngữ viết và đến lớp 5, ngôn ngữ viết đã hoàn thiện về ngữ pháp, chính tả và ngữ âm. Ngôn ngữ là nền tảng giúp trẻ phát triển khả năng tự học, tự nhận thức và khám phá thế giới xung quanh. Nhờ ngôn ngữ, các quá trình cảm giác, tri giác, tư duy và tưởng tượng của trẻ được phát triển và thể hiện rõ nét. Qua giao tiếp, giáo viên có thể đánh giá được sự phát triển trí tuệ của học sinh. Vì vậy, cần trau dồi vốn ngôn ngữ cho trẻ bằng cách khuyến khích đọc truyện, sách báo, truyện tranh và tham gia các hoạt động như kể chuyện, đọc thơ, viết nhật ký. Những hoạt động này giúp học sinh mở rộng vốn từ, sử dụng từ chính xác và phát triển ngôn ngữ phong phú, đa dạng.

Chú ý và sự phát triển nhận thức của học sinh tiểu học

Ở đầu tuổi tiểu học, chú ý có chủ định của trẻ còn yếu, khả năng kiểm soát và duy trì chú ý hạn chế; chú ý không chủ định chiếm ưu thế, trẻ dễ bị thu hút bởi các yếu tố sinh động như tranh ảnh, trò chơi hay cách giảng hấp dẫn của giáo

viên. Sự tập trung của trẻ còn kém bền vững và dễ bị phân tán. Đến cuối tuổi tiểu học, chú ý có chủ định phát triển, trẻ biết điều chỉnh, kiểm soát và duy trì sự tập trung trong học tập. Các em bắt đầu có ý thức về thời gian, biết lập kế hoạch và cố gắng hoàn thành nhiệm vụ trong giới hạn nhất định. Do đó, giáo viên cần giao nhiệm vụ học tập phù hợp với từng giai đoạn phát triển chú ý, có thời gian cụ thể và đảm bảo tính cá thể hóa để nâng cao hiệu quả giáo dục.

Trí nhớ và sự phát triển nhận thức của học sinh tiểu học

Loại trí nhớ trực quan hình tượng chiếm ưu thế hơn trí nhớ từ ngữ - logic. Giai đoạn lớp 1, 2: phần lớn các em ở độ tuổi này ghi nhớ máy móc phát triển tương đối tốt và chiếm ưu thế hơn so với ghi nhớ có ý nghĩa. Nhiều học sinh chưa biết tổ chức việc ghi nhớ có ý nghĩa, chưa biết dựa vào các điểm tựa để ghi nhớ, chưa biết cách khái quát hóa hay xây dựng dàn bài để ghi nhớ tài liệu. Giai đoạn lớp 4, 5: ghi nhớ có ý nghĩa và ghi nhớ từ ngữ được tăng cường. Ghi nhớ có chủ định đã phát triển. Tuy nhiên, hiệu quả của việc ghi nhớ có chủ định còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: mức độ tích cực tập trung trí tuệ của các em, sức hấp dẫn của nội dung tài liệu, yếu tố tâm lý tình cảm hay hứng thú của các em. Nhằm được điều này, các nhà giáo dục phải giúp các em biết cách khái quát hóa và đơn giản mọi vấn đề, giúp các em xác định đâu là nội dung quan trọng cần ghi nhớ, các từ ngữ dùng để diễn đạt nội dung cần ghi nhớ phải đơn giản dễ hiểu, dễ nắm bắt, dễ thuộc và đặc biệt phải hình thành ở các em tâm lý hứng thú và vui vẻ khi ghi nhớ kiến thức.

Ý chí và sự phát triển nhận thức của học sinh tiểu học

Ở đầu tuổi tiểu học hành vi mà trẻ thực hiện còn phụ thuộc nhiều vào yêu cầu của người lớn, mang tính điều kiện, học để có được một điều gì đó từ bố, mẹ (học bài cuối tuần sẽ được đi chơi hay được mua quà,...). Khi đó, sự điều chỉnh ý chí đối với việc thực thi hành vi ở các em còn yếu. Đặc biệt các em chưa đủ ý chí để thực hiện đến cùng mục đích đã đề ra nếu gặp khó khăn. Đến cuối tuổi tiểu học một số em đã có khả năng biến yêu cầu của người lớn thành mục đích hành động của mình, tuy vậy năng lực ý chí còn thiếu bền vững, chưa thể trở thành nét tính cách của các em. Việc thực hiện hành vi vẫn chủ yếu phụ thuộc vào hứng thú nhất thời. Để bồi dưỡng năng lực ý chí cho học sinh tiểu học, đòi hỏi ở nhà giáo dục sự kiên trì bền bỉ trong công tác giáo dục. Muốn vậy thì trước hết mỗi bậc cha mẹ, thầy cô phải trở thành tấm gương về nghị lực trong mắt trẻ.

1.2.3. Đặc điểm tình cảm

Tình cảm của học sinh tiểu học mang tính cụ thể trực tiếp và luôn gắn liền với các sự vật hiện tượng sinh động, rực rỡ,... Lúc này khả năng kiềm chế cảm xúc của trẻ còn non nớt, trẻ dễ xúc động và cũng dễ nổi giận, biểu hiện cụ thể là trẻ dễ khóc mà cũng nhanh cười, rất hồn nhiên vô tư... Vì thế có thể nói tình cảm

của trẻ chưa bền vững, dễ thay đổi (tuy vậy so với tuổi mầm non thì tình cảm của trẻ tiểu học đã "người lớn" hơn rất nhiều).

Trong quá trình hình thành và phát triển tình cảm của học sinh tiểu học luôn kèm theo sự phát triển năng khiếu: Trẻ nhi đồng có thể xuất hiện các năng khiếu như thơ, ca, hội họa, kỹ thuật, khoa học,... Khi đó cần phát hiện và bồi dưỡng kịp thời cho trẻ sao cho vẫn đảm bảo kết quả học tập mà không làm thui chột năng khiếu của trẻ.

Chính vì thế, việc giáo dục tình cảm cho học sinh tiểu học cần ở nhà giáo dục sự khéo léo, tinh tế, tế nhị khi tác động đến các em; nên dẫn dắt các em đi từ hình ảnh trực quan sinh động, hấp dẫn đến các hoạt động cụ thể như các trò chơi nhập vai, đóng các tình huống cụ thể, các hoạt động tập thể ở trường lớp, khu dân cư...

1.2.4. Đặc điểm hành vi

Phần lớn đối với độ tuổi học sinh tiểu học các em thường có các nét tính cách tốt như: tính hồn nhiên, tính ham hiểu biết, tính chân thực, lòng thương người, lòng vị tha.... Tính hay bắt chước cũng là một đặc điểm quan trọng của lứa tuổi này. Học sinh tiểu học thích bắt chước những hành vi, cử chỉ của các nhân vật trong phim, trong các chương trình giải trí ở trên ti-vi hay internet... Tính bắt chước lại chính là con dao hai lưỡi cho nên cần xem tính bắt chước như một điều kiện thuận lợi cho việc giáo dục bằng những tấm gương cụ thể, nhưng cũng cần chú ý đến khả năng tiêu cực của tính bắt chước. Ngoài ra, những hành vi thường ngày của bố, mẹ....cũng là một trong những cơ sở cho hành vi lặp lại do tính bắt chước vì tin vào người thân mà các em chưa rạch ròi đúng sai.

Trong quá trình hoạt động bố, mẹ hay thầy, cô dễ nhận ra hành vi xung đột của các em (khuyênh hướng hành động ngay lập tức dưới ảnh hưởng kích thích bên trong và tác động bên ngoài). Do vậy, hành vi của các em dễ có tính tự phát, hay nói cách khác là chưa biết kiềm chế cảm xúc và hành vi của mình.

1.3. Vấn đề giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học

1.3.1. Mục tiêu của giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học

Theo các nhà nghiên cứu từ nhiều năm trở lại đây, học sinh tiểu học ngày càng năng động, thông minh hơn do điều kiện dinh dưỡng tốt và có nhiều điều kiện, thiết bị hỗ trợ, dẫn đến nhu cầu nhận thức về mọi mặt, vượt khung chương trình giảng dạy trong nhà trường, đặc biệt là về lĩnh vực giới tính. So với trước đây thì tuổi dậy thì của các em đến sớm hơn, và đó cũng là một phần nguyên nhân cần GDGT cho các em sớm:

- Góp phần giáo dục toàn diện về mặt phẩm chất, hành vi đạo đức, nhân cách của học sinh.

- Giúp trẻ sống đúng với giới tính của mình cũng như các em cần biết các cách thức chăm sóc, bảo vệ cơ thể khi các em bước vào tuổi dậy thì, đặc biệt là giáo dục các em biết trân trọng giá trị của bản thân, từ đó biết quý trọng người khác, trẻ hiểu bản thân, giới tính của mình mới biết bảo vệ mình khỏi những cảm dỗ xâm hại bên ngoài, cũng như biết tôn trọng thân thể người khác, đó chính là quá trình giúp các em hoàn thiện nhân cách, an toàn cho bản thân.

- GDGT giúp các em trang bị đầy đủ kiến thức về tâm sinh lý trước sự phát triển của cơ thể, về nhận thức để định hình các nhân cách, tạo sức mạnh nội tâm để kháng trước những bùng nổ giới tính của bản năng có thể gây hại cho bản thân, giáo dục những hiểu biết về tâm sinh lý vệ sinh tuổi dậy thì những biến đổi khá khác biệt về tính cách em trai em gái do các hoocmon từ các tuyến sinh dục gây ra; giáo dục kỹ năng giao tiếp ứng xử trong quan hệ bạn trai, bạn gái trước thềm tuổi vị thành niên với cha mẹ, anh em trong gia đình; hiểu biết sâu sắc các giá trị của tình bạn, tình yêu, hiểu biết những thất bại tâm lý và các nguy hại lâu dài phải gánh chịu nếu vượt quá giới hạn nếm trái cấm; giáo dục bạn trai biết giới tính của mình mạnh mẽ phải biết tự trọng, tôn trọng, biết bảo vệ các bạn gái là phái yếu, có bản lĩnh biết tự kiểm chế để chứng minh cho một tình yêu lành mạnh.

- Giáo dục kỹ năng phòng vệ trước các áp lực nội tại đến từ hai phía đặc biệt giáo dục kỹ năng phòng, chống xâm hại tình dục cho các em, GDGT, không chỉ dạy cho người trẻ những điều cơ bản về sự phát triển của tuổi dậy thì mà còn cung cấp nhận thức về quyền quyết định muốn hay không muốn làm điều gì chẳng hạn từ chối tham gia vào những hoạt động xâm hại hay lạm dụng tình dục không mong muốn, thiếu sót những kỹ năng này có thể dẫn đến các mối quan hệ không lành mạnh và thậm chí bạo lực trong giới trẻ.

Vậy chúng ta cần phải GDGT cho các em bằng những kiến thức và biện pháp phù hợp với lứa tuổi để không làm mất đi vẻ thơ ngây trong sáng của chính lứa tuổi này, để các em có một đời sống tình dục lành mạnh khi lớn lên thì ngay từ khi các em còn nhỏ chúng ta cần trang bị cho các em những kiến thức cơ bản về giới tính như cách gọi tên các bộ phận nhạy cảm trên cơ thể phân biệt nam nữ, những bộ phận tránh tiếp xúc với bất kỳ người nào, sự thay đổi của hình thể cách, bảo vệ bản thân.

1.3.2. Nguyên tắc giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học

Việc GDGT cho học sinh tiểu học là vấn đề quan trọng và cần thiết. Tuy nhiên, đây cũng là một lĩnh vực phức tạp và hết sức tế nhị. Vì vậy ngoài việc phải đảm bảo những nguyên tắc chung như tính khoa học, tính giáo dục, tính thực tiễn như các môn học khác, cần phải chú ý thêm một số vấn đề sau đây:

- GDGT phải gắn liền với giáo dục đạo đức, giáo dục nhân cách, hình thành thế giới quan khoa học. GDGT phải gắn liền với việc giáo dục và hình thành nếp sống sinh hoạt lành mạnh, lối sống văn hóa văn minh. Đó chính là một trong những mục tiêu cơ bản của GDGT.

- GDGT cần phải được thực hiện một cách toàn diện cả về sinh lý giới tính, tâm lý tâm sinh lý giới tính, thẩm mỹ giới tính, xã hội giới tính không nên chỉ tập trung vào những vấn đề sinh lý tính dục mà coi nhẹ các vấn đề tâm lý xã hội giới tính.

- Phải kết hợp việc giảng dạy tri thức khoa học với việc hình thành thái độ đúng đắn. Bởi khi giảng dạy những vấn đề nhạy cảm không nên chỉ tập trung mô tả các sự kiện, hiện tượng một cách “trần trụi”, “sống sượng” mà cần chú ý kết hợp với việc hình thành ý thức đạo đức, phê phán những biểu hiện sai trái.

- Phải kết hợp việc truyền thụ những tri thức lý luận với những kiến thức thực tiễn, nhất là những vấn đề thực tiễn trong đời sống sinh hoạt của các em.

- GDGT phải được thực hiện một cách phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của lứa tuổi, của từng bậc học, lớp học, của yêu cầu giáo dục đặc trưng thích hợp với đối tượng, phải phù hợp với phong tục tập quán của từng vùng miền, từng địa phương.

1.3.3. Nội dung giáo dục giới tính cho học sinh lớp 5 thông qua môn Khoa học

Qua quá trình khảo sát thực tế tại trường Tiểu học Lê Hồng Phong, chúng tôi nhận thấy nhà trường hiện đang triển khai giảng dạy theo Bộ sách giáo khoa “Kết nối tri thức với cuộc sống”. Đây là một trong những sách giáo khoa mới theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt và khuyến khích sử dụng. Việc lựa chọn và áp dụng bộ sách này thể hiện sự chủ động, linh hoạt của Nhà trường trong việc tiếp cận những phương pháp dạy học hiện đại, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đáp ứng yêu cầu đổi mới trong giai đoạn hiện nay. Trong chương trình dạy học chính khóa, học sinh bắt đầu làm quen với giáo dục giới tính thông qua chủ điểm "Con người và sức khỏe" ở môn Khoa học. Trong chủ điểm này có các bài học có thể lồng ghép giáo dục giới tính cho các em thông qua bộ sách giáo khoa hiện hành (Kết nối tri thức với cuộc sống) là:

Bài 22: Sự hình thành cơ thể người

Bài 23: Các giai đoạn phát triển chính của con người

Bài 24: Nam và nữ

Bài 25: Chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì

Bài 26: Phòng tránh bị xâm hại

Bài 27: Ôn tập chủ đề *Con người và sức khỏe*

Giáo dục giới tính thông qua chủ đề “Con người và sức khỏe” môn Khoa học lớp 5 như sau:

Bảng 1.1. Nội dung và yêu cầu cần đạt chủ đề “Con người và sức khỏe” trong môn khoa học 5

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Sự sinh sản	- Nêu được ý nghĩa của sự sinh sản ở người. - Phân biệt được đặc điểm sinh học và đặc điểm xã hội của nam và nữ; thể hiện được thái độ và thực hiện tôn trọng các bạn cùng giới và khác giới. - Sử dụng được sơ đồ và một số thuật ngữ (trứng, tinh trùng, sự thụ tinh,...) để trình bày quá trình hình thành cơ thể người.
Các giai đoạn phát triển của cơ thể người	- Phân biệt được một số giai đoạn phát triển chính của con người (tuổi ấu thơ, tuổi dậy thì, tuổi trưởng thành,...).
Chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì	- Nêu và thực hiện được những việc cần làm để chăm sóc, bảo vệ sức khỏe về thể chất và tinh thần ở tuổi dậy thì. - Giải thích được sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể, đặc biệt là ở tuổi dậy thì. - Có ý thức và kĩ năng thực hiện vệ sinh cơ thể, đặc biệt là vệ sinh cơ quan sinh dục ngoài.
An toàn trong cuộc sống: Phòng tránh bị xâm hại	- Nói được về cảm giác an toàn và quyền được an toàn, bảo vệ sự toàn vẹn của cá nhân và phản đối mọi sự xâm hại. - Trình bày được những nguy cơ dẫn đến bị xâm hại tình dục và cách phòng tránh, ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại. - Lập được danh sách những người đáng tin cậy để được giúp đỡ khi cần. - Đưa ra được yêu cầu giúp đỡ khi bản thân hoặc bạn bè có nguy cơ bị xâm hại.

Dù giáo dục giới tính cũng đã ít nhiều được đưa vào chương trình chính khóa nhưng đây là một phần kiến thức của môn học. Chính vì thế giáo viên chủ yếu dạy theo kiểu truyền thụ kiến thức và học tập cả lớp nên chưa có sự tương tác, học sinh không hứng thú. Giáo viên nên nhấn mạnh hơn trong các giờ học chính hay các tiết học ngoại khóa, giờ lên lớp, các buổi sinh hoạt tập thể.

1.3.4. Các phương pháp được sử dụng để giáo dục giới tính cho học sinh lớp 5 thông qua môn Khoa học.

Phương pháp động não (Công não).

Động não là phương pháp giáo dục để cho người học trong một thời gian ngắn nảy sinh được nhiều ý tưởng, nhiều giả định về một vấn đề nào đó. Đây là một phương pháp để “lôi ra” một danh sách thông tin và ý tưởng.

Phương pháp thảo luận nhóm

Là phương pháp đặt học sinh vào môi trường học tập (nghiên cứu, thảo luận...) theo các nhóm học sinh. Thảo luận nhóm được sử dụng rộng rãi nhằm giúp HS tham gia một cách tích cực, chủ động vào quá trình học tập, tạo cơ hội cho các em có thể chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, ý kiến để giải quyết vấn đề có liên quan đến nội dung bài học.

Phương pháp đóng vai

Đây là phương pháp tổ chức cho người học làm thử “đóng vai” để giải quyết chủ đề đã đưa ra. Quan trọng của phương pháp này là cách thức, là ứng xử, là đối thoại của nhân vật.

Phương pháp nghiên cứu tình huống

Nghiên cứu tình huống thường xuất phát từ một câu chuyện được viết ra nhằm tạo ra tình huống “thật” để minh chứng cho một hoặc một loạt vấn đề. Đôi khi có thể nghiên cứu tình huống trên một đoạn video, hay một bảng cắt xét, hoặc dưới dạng hình vẽ.

1.3.5. Hình thức giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học

GDGT cho học sinh tiểu học có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau.

1.3.5.1. Giáo dục giới tính thông qua các môn học như: Khoa học, Tiếng Việt, Đạo đức,...

Mục tiêu của hình thức này là nâng cao chất lượng việc giảng dạy lồng ghép các nội dung GDGT trong chính khóa thông qua việc tăng cường áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực và tăng thêm thời gian cho các nội dung này trong các môn khoa học, tiếng việt, đạo đức... Giáo dục giới tính cho học sinh thông qua các môn học như khoa học, tiếng việt, đạo đức là hình thành ở các em những tiêu chuẩn đạo đức của hành vi có liên quan đến những lĩnh vực riêng tư, thầm kín nhất của đời sống con người, hình thành những quan hệ đạo đức lành mạnh giữa em trai và em gái, giữa nam và nữ. Giáo dục giới tính tập trung vào khía cạnh giới tính của cá nhân, giúp cho thế hệ trẻ có thái độ, có hiểu biết và suy nghĩ đúng đắn, lành mạnh về giới tính cũng như biết các cách thức để tự bảo vệ mình. Hình thức này được thực hiện:

Tổ chức cho học sinh tìm hiểu về GDGT trên cơ sở đảm bảo các nội dung như sau:

- Khái niệm chung về giới tính, tâm lý lứa tuổi, sự phát triển ở tuổi dậy thì, sự phát dục và cách vệ sinh cơ thể và vệ sinh bộ phận sinh dục cho học sinh.
- Giáo dục đạo đức giới tính cho học sinh nam, đạo đức giới tính cho học sinh nữ, giáo dục nhu cầu giao tiếp với bạn khác giới, nhu cầu tình bạn khác giới,...
- Giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên và cách phòng tránh bệnh lây lan qua đường tình dục, cách phòng tránh lạm dụng tình dục cho học sinh nữ.
- Giáo dục hành vi văn hóa ứng xử phù hợp với giới và giới tính.
- Giáo dục các vấn đề bình đẳng giới, định kiến về giới, phân biệt giới trong xã hội của Việt Nam hiện nay, trách nhiệm cá nhân, tổ chức xã hội trong thực hiện bình đẳng giới. Giáo dục bảo đảm tính logic: Các kiến thức về GDGT phải có mối quan hệ logic chặt chẽ với các kiến thức của bài học, tránh việc áp đặt, gán ghép một cách gượng ép. Giáo dục bảo đảm tính phù hợp (tính vừa sức): Các kiến thức GDGT khi lồng ghép vào bài học phải đảm bảo phù hợp với nhận thức, trình độ, tâm lý lứa tuổi. Khi dạy các kiến thức này không nên đi quá sâu vừa làm ảnh hưởng nội dung bài học, vừa kích thích tính tò mò của HS dễ dẫn đến tác dụng ngược.

1.3.5.2. Giáo dục giới tính cho học sinh thông qua các tiết hoạt động ngoài giờ lên lớp (HĐNGLL).

Thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp giúp học sinh có môi trường trải nghiệm thực tế về thái độ, hành vi giới tính cho phù hợp.

Ở các tiết HĐNGLL, giáo viên có thể trao đổi cởi mở, trò chuyện tâm tình với các em, tổ chức cho các em xem các trang web về giáo dục giới tính hoặc mời các chuyên viên tư vấn có kiến thức về giới tính về nói chuyện với các em để các em bớt rụt rè hơn khi tìm hiểu kiến thức về giới tính, giúp các em mạnh dạn, cởi mở, tự tin hơn. Thông qua các buổi hoạt động ngoại khóa này thầy cô giáo, các anh chị tổng phụ trách trao đổi, hướng dẫn các em các kỹ năng sống: kỹ năng ứng phó với các tình huống nguy hiểm, kỹ năng tự bảo vệ,... được thực hiện như sau:

- Tổ chức cho HS nghe nói chuyện về các GDGT. Người nói chuyện phải là những giáo viên có kinh nghiệm trong giảng dạy GDGT, bác sĩ, chuyên gia về tâm lý,... Mục đích các buổi nói chuyện là giúp các em nhận biết kiến thức sâu hơn về giới tính.
- Tổ chức hội thi thuyết trình, hùng biện trong phạm vi toàn trường nhằm tìm ra các tuyên truyền viên tích cực cho công tác này. Hội thi này vừa tạo được không khí thi đua, tìm hiểu và sự tham gia của các thành viên trong lớp học nhằm

chọn cử đại diện tham gia, vừa rèn cho các em khả năng thuyết trình, phát triển ngôn ngữ nói.

- Thi sáng tác tranh ảnh, viết văn, thơ, soạn kịch bản đề tài GDGT.
- Thi văn nghệ: múa hát, đóng kịch, kể chuyện
- Thi hái hoa dân chủ tìm hiểu về giới tính, tâm lý lứa tuổi....

Mỗi hình thức có những ưu điểm và tồn tại khác nhau, khi chỉ đạo, hiệu trưởng cần nhấn mạnh việc lựa chọn hình thức nào cho phù hợp với nội dung. Với tâm lý HS, với khả năng và điều kiện thực tế của trường, lớp. Tất nhiên việc lựa chọn phải đảm bảo các tiêu chí cơ bản như: truyền tải và khắc sâu được kiến thức, tác dụng GD cao, hấp dẫn và lôi cuốn tất cả HS cùng tham gia. Ngoài các hình thức GD mang đề tài phòng chống ma túy, hiệu trưởng cũng nên quan tâm chỉ đạo GV và Đoàn, Đội tổ chức các Câu lạc bộ em yêu thích (các môn văn hóa, năng khiếu, thể dục,...), các sân chơi theo các chương trình truyền hình (chiếc nón kì diệu, vượt qua thử thách, ai là triệu phú,...), tìm hiểu khoa học, tìm hiểu văn hóa quê hương, giao lưu văn hóa, văn nghệ, hoạt động thể dục thể thao, vệ sinh trường lớp, khu dân cư,... Những hoạt động này sẽ thu hút sự ham mê, gắn bó của các em với nhà trường, kích thích sự tìm tòi, hiểu biết, khám phá thế giới của lứa tuổi TH.

Giáo viên còn có thể đưa ra những tình huống cụ thể, yêu cầu học sinh đưa ra cách xử lý của mình. Sau đó, giáo viên sẽ kết luận cách ứng phó với từng tình huống cụ thể đó.

VD: Em sẽ làm gì trong các trường hợp sau:

- Khi có người lạ tặng quà cho em.
- Khi người lạ muốn vào nhà mà bố mẹ em ở nhà/bố mẹ vắng nhà.
- Khi người ta trêu ghẹo hoặc có hành động gây bối rối, khó chịu với bản thân.

Kết luận chương 1

Trong chương I, trên cơ sở lý luận của vấn đề giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học; tìm hiểu, nghiên cứu về GDGT trong và ngoài nước; đặc biệt là các khái niệm cơ bản về giới, giới tính, GDGT cùng với một số đặc điểm tâm sinh lý giới tính của học sinh tiểu học thì chúng ta nhận thức được việc GDGT cho học sinh là điều hết sức quan trọng. Vấn đề GDGT bắt đầu từ sự cần thiết, từ đó đặt ra mục tiêu GDGT, nguyên tắc, nội dung và đề ra được các phương thức GDGT cho học sinh tiểu học. Để đạt được những điều đó thì chúng ta cần phải có sự kết nối giữa các nhà giáo dục, không chỉ khép kín trong nhà trường mà cần có sự phối hợp chặt chẽ với gia đình và toàn xã hội.

GDGT cho học sinh tiểu học góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh, phát triển về nhân cách, phẩm chất, hình thành hành vi đạo đức đúng đắn..., giúp các em sống đúng với giới tính và có những kỹ năng cơ bản để tự chăm sóc và bảo vệ chính mình.

CHƯƠNG 2 - THỰC TRẠNG GIÁO DỤC GIỚI TÍNH CHO HỌC SINH KHỐI 5 Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ HỒNG PHONG, THÀNH PHỐ NINH BÌNH

2.1. Khái quát quá trình khảo sát thực trạng

Trong thời đại phát triển như hiện nay, việc đưa nội dung giáo dục giới tính vào giảng dạy cho học sinh ngay từ bậc học TH là vấn đề rất cần thiết và cấp bách. Sự tăng tốc trong sinh trưởng và phát triển tâm sinh lí học sinh tiểu học đã đặt ra yêu cầu phải đưa nội dung giáo dục giới tính vào chương trình tiểu học. Hầu hết các trường tiểu học đã bước đầu quan tâm đến vấn đề này. Nhưng hầu hết các nội dung GDGT chỉ được triển khai theo chương trình bắt buộc của HSTH, với phương tiện dạy học chủ yếu là sách giáo khoa và sử dụng phương pháp thảo luận nhóm hoặc thuyết trình. Điều hết sức đáng mừng tại các trường học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, đặc biệt là trường Tiểu học Lê Hồng Phong hiện nay đã có khá nhiều sự quan tâm về vấn đề GDGT cho các em. Trong các tiết học chính khóa ở một số môn học phù hợp với kiến thức GDGT như Khoa học 5 hay Đạo đức.... thì giáo viên mới có thể lồng ghép và nhấn mạnh một số vấn đề về GDGT.

2.1.1. Mục đích khảo sát

Thu thập các thông tin về thực trạng giáo dục giới tính của học sinh khối 5 trường Tiểu học Lê Hồng Phong, từ đó đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục giới tính cho học sinh.

2.1.2. Nội dung khảo sát

Để nghiên cứu thực trạng, chúng tôi tiến hành khảo sát các nội dung sau:

- Thực trạng nhận thức về giới tính và giáo dục giới tính của học sinh trường Tiểu học Lê Hồng Phong.
- Thực trạng nhận thức về giáo dục giới tính của Ban giám hiệu và giáo viên trường Tiểu học Lê Hồng Phong.
- Thực trạng giáo dục giới tính của trường Tiểu học Lê Hồng Phong: mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, hình thức, các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục giới tính.
- Một số khó khăn của giáo viên và nhà trường trong việc giáo dục giới tính cho học sinh.

2.1.3. Các bước tiến hành khảo sát

Cách thức tiến hành khảo sát như sau:

Bước 1: Thiết kế các phiếu thu thập thông tin dành cho cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh.

Bước 2: Tiến hành khảo sát: 3 thầy cô cán bộ quản lý, 5 giáo viên giảng dạy lớp 5 và 196 học sinh lớp 5 trường Tiểu học Lê Hồng Phong.

Bước 3: Xử lý kết quả khảo sát.

Bước 4: Phân tích thực trạng, tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng đó và đề xuất các giải pháp.

2.1.4. Thời gian tiến hành khảo sát

Từ tháng 3 đến tháng 8 năm 2025.

2.2. Kết quả khảo sát thực trạng

2.2.1. Kết quả nhận thức của CBQL, GV và học sinh tiểu học về tầm quan trọng và mức độ cần thiết của công tác giáo dục giới tính.

2.2.1.1. Kết quả nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên về tầm quan trọng và mức độ cần thiết của công tác giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học.

Với vai trò quan trọng của giáo dục giới tính trong quá trình phát triển toàn diện học sinh tiểu học, nghiên cứu này tiến hành khảo sát bằng phiếu hỏi nhằm xác định nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên về sự cần thiết phải giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học trong quá trình giảng dạy tại Trường Tiểu học Lê Hồng Phong.

Kết quả khảo sát cho thấy 8/8 (tương đương với 100%) cán bộ quản lý và giáo viên tại trường đều hoàn toàn đồng ý cho rằng giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học là rất cần thiết. Tuy nhiên, nhận thức tích cực này chỉ là bước khởi đầu để chuyển hóa thành hiệu quả giáo dục cần có sự đồng bộ về tài liệu, phương pháp và nguồn lực hỗ trợ để giáo viên có thể thực hiện nội dung một cách tự tin và chuyên nghiệp.

2.2.1.2. Kết quả nhận thức của học sinh tiểu học về giới tính và giáo dục giới tính

Giáo dục giới tính giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển toàn diện con người nói chung và các em học sinh tiểu học nói riêng, vì vậy hoạt động GDGT có ý nghĩa quan trọng đối với học sinh tiểu học. Để tìm hiểu về nhận thức của học sinh với công tác GDGT được lồng ghép trong môn Khoa học, chúng tôi đã tiến hành khảo sát bằng phiếu hỏi, kết quả thu được như sau:

Bảng 2.1. Nhận thức của học sinh với hoạt động giáo dục giới tính trong trường tiểu học

Nhận thức	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Thích	94	48%
Bình thường	96	49%
Không thích	6	3%

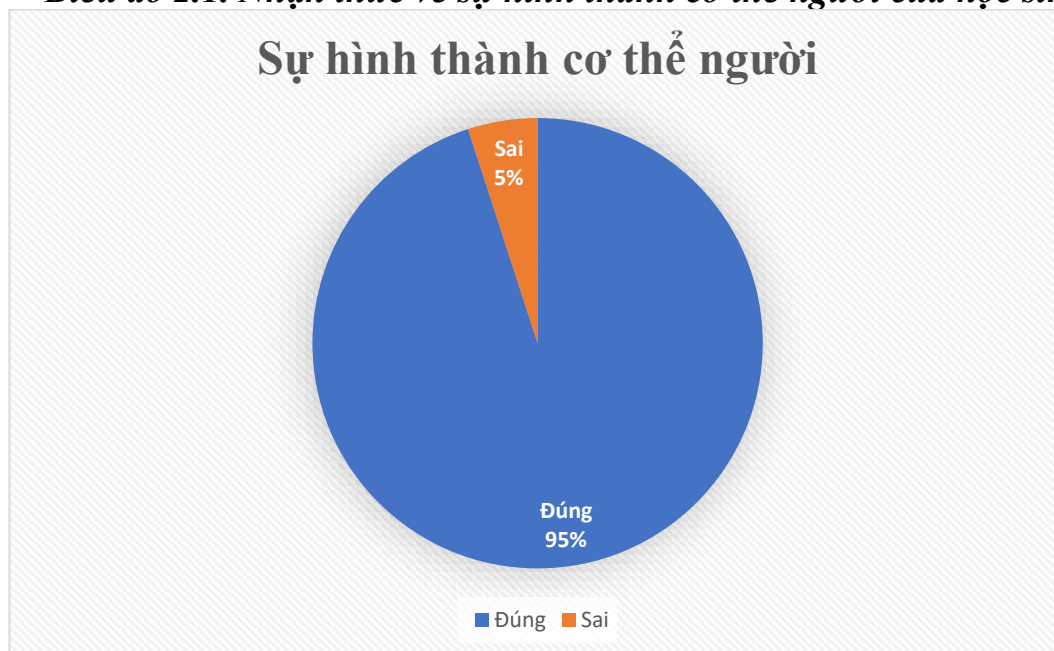
Kết quả khảo sát về nhận thức của học sinh đối với hoạt động GDGT ở Bảng 2.1 cho thấy: Có 48% số HS được hỏi cho rằng các em thích học những giờ học có lồng ghép những nội dung GDGT. Khi được hỏi tại sao, các em đều có câu trả lời: thông qua GDGT, các em hiểu hơn về đặc điểm của bản thân cũng

như bạn khác giới. Có 49% số em được hỏi cho là bình thường như bao giờ học khác, không có gì lôi cuốn các em hơn. Tuy nhiên vẫn còn có 3% cho rằng không thích học những giờ học có lồng ghép GDGT, theo quan sát chúng tôi thấy những em này là những em nhút nhát trong quan hệ với bạn bè xung quanh, còn một số thì cho là rất ngại, e dè khi nói về những vấn đề tế nhị của bản thân.

Như vậy, kết quả khảo sát cho thấy trường Tiểu học Lê Hồng Phong trong thời gian tới cần làm tốt hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục HS để các em hiểu và hứng thú hơn với môn Khoa học có lồng ghép GDGT, từ đó nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho toàn trường.

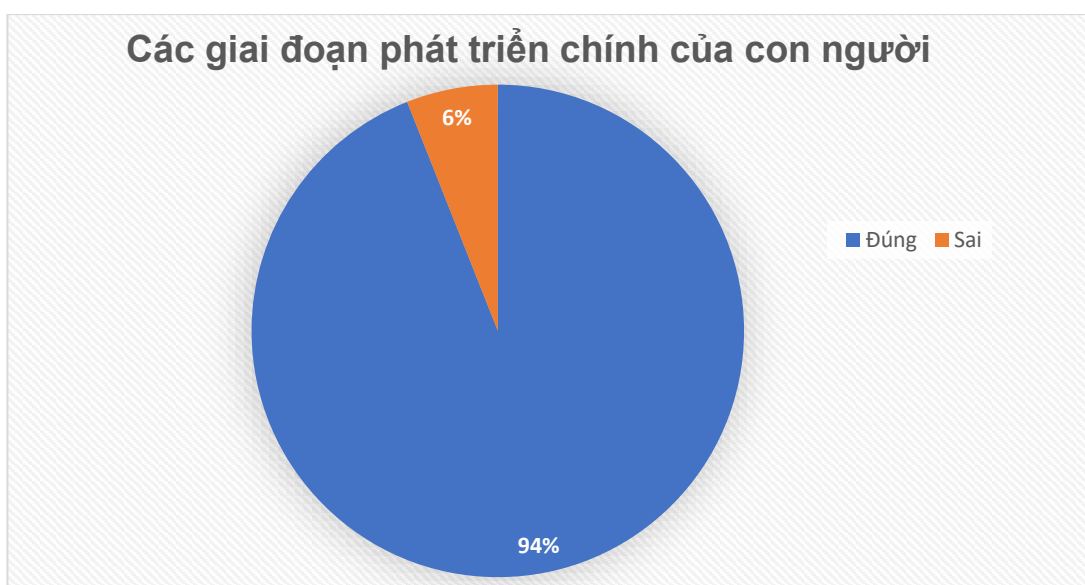
Khi khảo sát kiến thức về “Sự hình thành cơ thể người”, phần lớn HS đều có nhận thức đúng (95%) cho rằng cơ thể của con người được hình thành từ sự kết hợp của bố và mẹ; thai nhi được phát triển trong tử cung của người mẹ trong thời gian khoảng 9 tháng 10 ngày. Tuy nhiên có 5% HS chưa nhận thức đúng, cho rằng thai nhi được phát triển trong dạ dày của người mẹ.

Biểu đồ 2.1. Nhận thức về sự hình thành cơ thể người của học sinh



Khi khảo sát sự hiểu biết về “Các giai đoạn phát triển chính của con người”, phần lớn HS đều có nhận thức đúng (94%) cho rằng con người trải qua các giai đoạn em bé -> trẻ em -> thanh niên -> người già; giai đoạn con người phát triển nhanh nhất là tuổi dậy thì. Đặc biệt các em đã nhận thức các dấu hiệu của tuổi dậy thì là: cao nhanh, mọc lông nách, thay đổi giọng nói. Tuy nhiên có 6% HS chưa nhận thức đúng, cho rằng giai đoạn con người phát triển nhanh nhất là tuổi trung niên, đặc điểm của tuổi dậy thì là ngủ ít hơn.

Biểu đồ 2.2. Nhận thức về các giai đoạn phát triển chính của con người của học sinh



Biểu đồ 2.3 cho thấy khi khảo sát kiến thức về “Nam và nữ”, phần lớn HS (112 học sinh - 98%) đều có nhận thức đúng, cho rằng cơ quan sinh dục của nam và nữ là khác nhau, đều nhận thức được sự thay đổi của nam và nữ khác nhau ở tuổi dậy thì; khi chơi với bạn khác giới thì cần cư xử lịch sự với bạn. Tuy nhiên có 2% HS chưa nhận thức đúng, thậm chí cho rằng không có cơ quan sinh dục và không chơi cùng bạn khác giới.

Biểu đồ 2.3. Nhận thức về nam và nữ của học sinh



Khi khảo sát kiến thức về “Chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì” và “Phòng tránh bị xâm hại”, 100% học sinh đều nhận thức đúng về việc tắm rửa thay quần áo hàng ngày, tập thể dục thường xuyên sẽ giúp cơ thể dẻo dai, ngủ đủ giấc sẽ giúp tinh thần thoải mái. Nhận thức được các hành vi xâm hại cơ thể như: ôm hôn, sờ vào vùng kín của người khác, biết cách nói không và kể cho người lớn tin cậy nghe nếu có người muốn chạm vào vùng kín của mình, kể cho cha mẹ và thầy cô khi bị người khác đe dọa.

Như vậy, phần lớn học sinh đã hiểu được tương đối đầy đủ các khái niệm về GDGT, vai trò của GDGT, kiến thức về sự hình thành cơ thể người, các giai đoạn phát triển chính của con người, sự khác biệt về cơ thể giữa nam và nữ, chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì, nhận biết và phòng tránh xâm hại. Tuy nhiên vẫn còn một số em có hiểu biết sai lệch về cách đối xử với bạn bè khác giới, về sự khác biệt giữa cơ quan sinh dục nam và nữ,... Một số em vẫn chưa có hứng thú khi học về giáo dục giới tính thông qua môn Khoa học, Đạo đức, Hoạt động trải nghiệm,

2.2.2. Kết quả khảo sát thực trạng của việc giáo dục giới tính cho học sinh lớp 5 thông qua môn Khoa học của trường Tiểu học Lê Hồng Phong

2.2.2.1. Kết quả thực hiện mục tiêu giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học

Khi tiến hành khảo sát về việc thực hiện mục tiêu GDGT cho HSTH của các giáo viên đang dạy môn Khoa học lớp 5, đây là những mục tiêu giáo viên phải đạt được thông các bài dạy ở môn Khoa học và các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp chúng tôi nhận được kết quả như sau:

Bảng 2.2. Kết quả thực hiện mục tiêu giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học

	Mục tiêu của việc Giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học	Mức độ thực hiện (%)		
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng
1	Giáo dục giới tính góp phần giáo dục toàn diện về mặt phẩm chất, hành vi đạo đức, nhân cách của học sinh.	100%		
2	Giáo dục giới tính giúp trẻ sống đúng với giới tính của mình.	87,5%	12,5%	
3	Giúp các em biết cách chăm sóc, bảo vệ cơ thể khi các em bước vào tuổi dậy thì.	100%		
4	Giúp các em trân trọng giá trị của bản thân, từ đó biết quý trọng người khác.	100%		
5	GDGT giúp các em biết bảo vệ bản thân khỏi những cám dỗ xâm hại bên ngoài, cũng như biết tôn trọng thân thể người khác đó là quá trình giúp các em hoàn thiện nhân cách, an toàn cho bản thân.	87,5%		12,5%
6	GDGT giúp các em trang bị đầy đủ kiến thức	100%		

	về tâm sinh lý trước sự phát triển của cơ thể, về nhận thức để định hình các nhân cách, tạo sức mạnh nội tâm, giáo dục những hiểu biết về tâm sinh lý vệ sinh tuổi dậy thì những biến đổi phá khác biệt về tính cách em trai em gái do các hoocmon từ các tuyến sinh dục gây ra;			
7	Giúp các em có khả năng xử lý các tình huống trong cuộc sống, có ý thức bảo vệ sức khỏe, phòng tránh tai nạn, phòng ngừa bạo lực và tệ nạn xã hội	100%		
8	GDGT giúp giáo dục kỹ năng giao tiếp ứng xử trong quan hệ bạn trai, bạn gái trước thêm tuổi vị thành niên với cha mẹ, anh em trong gia đình; hiểu biết sâu sắc các giá trị của tình bạn, tình yêu, hiểu biết những thất bại tâm lý và các nguy hại lâu dài phải gánh chịu nếu vượt quá giới hạn	87,5%	12,5%	
9	Giáo dục kỹ năng phòng vệ trước các áp lực nội tại đến từ hai phía đặc biệt giáo dục kỹ năng phòng, chống xâm hại tình dục cho các em, GDGT, không chỉ dạy cho người trẻ những điều cơ bản về sự phát triển của tuổi dậy thì mà còn cung cấp nhận thức về quyền quyết định muốn hay không muốn làm điều gì chẳng hạn từ chối tham gia vào những hoạt động xâm hại hay lạm dụng tình dục không mong muốn.	87,5%	12,5%	

Qua bảng 2.2 chúng tôi nhận thấy: phần lớn (87,5-100%) các giáo viên thực hiện ở mức độ rất thường xuyên các mục tiêu giáo dục về giới tính; có khoảng 12,5% giáo viên thường xuyên thực hiện mục tiêu GDGT do chương trình giáo dục phổ thông 2018 quy định trong quá trình giáo dục học sinh như: giáo dục giới tính giúp trẻ sống đúng với giới tính của mình, thậm chí mục tiêu GDGT giúp các em biết bảo vệ bản thân khỏi những cám dỗ xâm hại bên ngoài, cũng như biết tôn trọng thân thể người khác đó là quá trình giúp các em hoàn thiện nhân cách, giữ an toàn cho bản thân thì có giáo viên còn đang phân vân.

Thông qua khảo sát về mục tiêu GDGT trong trường Tiểu học cho HS khối 5, phần lớn GV thực hiện rất thường xuyên các mục tiêu mà Chương trình GDPT 2018 đề ra. Tuy nhiên, vẫn còn một số GV chỉ thực hiện các mục tiêu ở mức độ thường xuyên như: Giáo dục giới tính giúp trẻ sống đúng với giới tính của mình; GDGT giúp giáo dục kỹ năng giao tiếp ứng xử trong quan hệ bạn trai, bạn gái trước thêm tuổi vị thành niên với cha mẹ, anh em trong gia đình; hiểu biết sâu

sắc các giá trị của tình bạn, tình yêu, hiểu biết những thất bại tâm lý và các nguy hại lâu dài phải gánh chịu nếu vượt quá giới hạn; Giáo dục kỹ năng phòng vệ trước các áp lực nội tại đến từ hai phía đặc biệt giáo dục kỹ năng phòng, chống xâm hại tình dục cho các em, GDGT, không chỉ dạy cho người trẻ những điều cơ bản về sự phát triển của tuổi dậy thì mà còn cung cấp nhận thức về quyền quyết định muốn hay không muốn làm điều gì chẳng hạn từ chối tham gia vào những hoạt động xâm hại hay lạm dụng tình dục không mong muốn hoặc thậm chí có giáo viên còn phân vân về mục tiêu GDGT giúp các em biết bảo vệ bản thân khỏi những cám dỗ xâm hại bên ngoài, cũng như biết tôn trọng thân thể người khác đó là quá trình giúp các em hoàn thiện nhân cách, an toàn cho bản thân (12,5%).

2.2.2.2. Kết quả khảo sát việc thực hiện nguyên tắc giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học

Khi khảo sát về việc thực hiện các nguyên tắc triển khai GDGT cho HSTH tại trường tiểu học Lê Hồng Phong, qua bảng 2.3 chúng tôi nhận thấy: có 75-82,5% giáo viên rất thường xuyên thực hiện các nguyên tắc GDGT cho học sinh tiểu học; có khoảng 12,5-25% giáo viên thường xuyên thực hiện các nguyên tắc do chương trình giáo dục phổ thông 2018 quy định.

Bảng 2.3. Kết quả khảo sát mức độ thực hiện các nguyên tắc giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học

STT	Nguyên tắc của việc giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học	Mức độ thực hiện (%)	
		Rất thường xuyên	Thường xuyên
1	GDGT phải gắn liền với giáo dục đạo đức, giáo dục nhân cách, hình thành thế giới quan khoa học. GDGT phải gắn liền với việc giáo dục và hình thành nếp sống sinh hoạt lành mạnh, lối sống văn hóa văn minh. Đó chính là một trong những mục tiêu cơ bản của GDGT.	75%	25%
2	GDGT cần phải được thực hiện một cách toàn diện cả về sinh lý giới tính, tâm lý tâm sinh lý giới tính, thẩm mỹ giới tính, xã hội giới tính không nên chỉ tập trung vào những vấn đề sinh lý tính dục mà coi nhẹ các vấn đề tâm lý xã hội giới tính.	75%	25%
3	Phải kết hợp việc giảng dạy tri thức khoa học với	87,5%	12,5%

	việc hình thành thái độ đúng đắn. Bởi khi giảng dạy những vấn đề nhạy cảm không nên chỉ tập trung mô tả các sự kiện, hiện tượng một cách “trần trụi”, “sống sượng” mà cần chú ý kết hợp với việc hình thành ý thức đạo đức, phê phán những biểu hiện sai trái.		
4	Phải kết hợp việc truyền thụ những tri thức lý luận với những kiến thức thực tiễn, nhất là những vấn đề thực tiễn trong đời sống sinh hoạt của các em.	75%	25%
5	GDGT phải được thực hiện một cách phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của lứa tuổi, của từng bậc học, lớp học, của yêu cầu giáo dục đặc trưng thích hợp với đối tượng phải phù hợp với phong tục tập quán, của từng vùng miền, từng địa phương.	87,5%	12,5%

Việc các thầy cô giáo nhận thức được giảng dạy giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học là hoàn toàn cần thiết. Tuy nhiên trong quá trình giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học, các giáo viên phải tuân thủ các nguyên tắc giáo dục là hoàn đúng đắn để đạt được hiệu quả giáo dục. Trong quá trình khảo sát nhận thấy những nguyên tắc giáo dục đã thực hiện ở mức độ hoàn toàn đáp ứng,

2.2.2.3. Kết quả khảo sát mức độ thực hiện các nội dung về giáo dục giới tính cho học sinh

Kết quả khảo sát cho thấy, mới có khoảng từ 50-75% giáo viên rất thường xuyên lồng ghép các nội dung GDGT vào trong bài học. Tuy nhiên, chỉ có 25% giáo viên thực hiện nội dung: ý nghĩa của sự sinh sản ở người; phân biệt được đặc điểm sinh học và đặc điểm xã hội của nam và nữ rất thường xuyên.

Nhìn chung các nội dung giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học được các giáo viên rất thường xuyên và thường xuyên thực hiện trong quá trình giáo dục học sinh.

Bảng 2.4. Kết quả khảo sát mức độ thực hiện các nội dung giáo dục giới tính

STT	Các nội dung	Mức độ đáp ứng (%)	
		Rất thường xuyên	Thường xuyên
1	Nêu được ý nghĩa của sự sinh sản ở người; phân biệt được đặc điểm sinh học và đặc điểm xã hội của nam và nữ.	25%	75%
2	Thể hiện được thái độ và thực hiện tôn trọng các bạn cùng giới và khác giới.	50%	50%

3	Sử dụng được sơ đồ và một số thuật ngữ (trứng, tinh trùng, sự thụ tinh,...) để trình bày quá trình hình thành cơ thể người; phân biệt được một số giai đoạn phát triển chính của con người (tuổi ấu thơ, tuổi dậy thì, tuổi trưởng thành,...).	50%	50%
4	Nêu và thực hiện được những việc cần làm để chăm sóc, bảo vệ sức khỏe về thể chất và tinh thần ở tuổi dậy thì.	75%	25%
5	Giải thích được sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể, đặc biệt là ở tuổi dậy thì.	75%	25%
6	Có ý thức và kỹ năng thực hiện vệ sinh cơ thể, đặc biệt là vệ sinh cơ quan sinh dục ngoài.	75%	25%
7	Nói được về cảm giác an toàn và quyền được an toàn, bảo vệ sự toàn vẹn của cá nhân và phản đối mọi sự xâm hại.	62,5%	37,5%
8	Trình bày được những nguy cơ dẫn đến bị xâm hại tình dục và cách phòng tránh, ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại.	62,5%	37,5%
9	Lập được danh sách những người đáng tin cậy để được giúp đỡ khi cần.	62,5%	37,5%
10	Đưa ra được yêu cầu giúp đỡ khi bản thân hoặc bạn bè có nguy cơ bị xâm hại.	62,5%	37,5%

2.2.2.4. Kết quả khảo sát về sử dụng các phương pháp để giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học lớp 5 trong dạy học môn Khoa học

Để thực hiện các nội dung giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học khối lớp 5, cần sử dụng kết hợp các phương pháp giáo dục giới tính. Tuy nhiên khi tiến hành khảo sát các giáo viên giảng dạy môn Khoa học về việc vận dụng các phương pháp khi tiến hành giáo dục giới tính thông qua môn Khoa học chúng tôi nhận được kết quả ở Bảng 2.5 như sau:

Bảng 2.5. Kết quả khảo sát mức độ thực hiện các phương pháp GDGT cho học sinh tiểu học lớp 5

STT	Các phương pháp	Mức độ sử dụng (%)				
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ
1	Phương pháp công não (động não)		75	25		
2	Phương pháp thảo luận nhóm		50	25	25	
3	Phương pháp trực quan		75	25		
4	Phương pháp trò chơi			25	75	

5	Phương pháp đóng vai xử lý tình huống			25	75	
6	Phương pháp trò chuyện			25	75	
7	Các phương pháp khác		100			

Kết quả Bảng 2.5 thấy trong quá trình giáo dục giới tính cho học sinh lớp 5 thông qua môn học Khoa học, các giáo viên tại trường tiểu học Lê Hồng Phong đã vận dụng phối hợp các phương pháp dạy học của bộ môn. Tuy nhiên các phương pháp được sử dụng thường xuyên vẫn là phương pháp công não, phương pháp trực quan (75%), phương pháp thảo luận nhóm (50%). Trong quá trình trò chuyện phỏng vấn, các giáo viên đều cho rằng hiện nay tại mỗi lớp học nhà trường đã trang bị đầy đủ tivi và mạng internet do vậy các cô có thể khai thác các hình ảnh, video ... để sử dụng trong lúc dạy học. Các phương pháp khác như trò chơi, đóng vai để xử lý các tình huống mặc dù đã được các thầy cô sử dụng xong còn ở mức độ thi thoảng hoặc hiếm khi sử dụng (25%). Ngoài ra các giáo viên thường xuyên kết hợp sử dụng phương pháp thuyết trình (100%).

2.2.3. Kết quả khảo sát về các hình thức giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học lớp 5 thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

Để thực hiện mục tiêu giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học khối lớp 5 ngoài việc tích hợp lồng ghép nội dung giáo dục giới tính thông qua các môn học như môn Khoa học thì nội dung giáo dục giới tính còn được thực hiện thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

Thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp giúp học sinh có môi trường trải nghiệm thực tế về thái độ, hành vi giới tính cho phù hợp.

Bảng 2.6. Kết quả khảo sát mức độ thực hiện GDGT qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp cho học sinh tiểu học lớp 5

STT	Các hoạt động	Mức độ sử dụng (%)				
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ
1	Tổ chức cho HS nghe nói chuyện về GDGT			100		
2	Tổ chức hội thi thuyết trình, hùng biện trong phạm vi toàn trường				100	
3	Thi sáng tác tranh ảnh, viết văn, thơ, soạn kịch bản đề tài GDGT			25	75	
4	Thi văn nghệ: múa hát, đóng kịch, kể chuyện			75	25	
5	Thi hái hoa dân chủ tìm hiểu về giới tính, tâm lý lứa tuổi			25	75	
6	Các hoạt động khác					

Như vậy việc thực hiện mục tiêu giáo dục giới tính cho học sinh khối lớp 5 nói riêng và toàn bộ cho học sinh tiểu học nói chung tại trường tiểu học Lê Hồng Phong thông qua các hoạt động ngoài giờ còn chưa được thường xuyên. Lí giải nguyên nhân dẫn đến thực trạng này là do các cán bộ quản lí chưa lên kế hoạch để chỉ đạo các giáo viên thực hiện. Nhà trường mới chỉ hoàn thành mục tiêu giáo dục giới tính thông qua dạy học các môn học như Khoa học, còn việc tổ chức giáo dục giới tính thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp chưa được thực hiện thường xuyên.

2.2.4. Một số khó khăn của giáo viên và nhà trường trong việc giáo dục giới tính học sinh

2.2.4.1. Thực trạng mức độ giáo viên được tập huấn về GDGT cho học sinh

Để tìm hiểu những khó khăn của giáo viên và nhà trường trong việc giáo dục giới tính cho học sinh chúng tôi tiến hành khảo sát việc nâng cao kiến thức chuyên môn về giáo dục giới tính cho giáo viên tại trường. Kết quả khảo sát như sau:

Bảng 2.7. Mức độ giáo viên được tập huấn về giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học

Mức độ GV được tập huấn về GDGT cho HSTH	Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ
Tỷ lệ		75%	25%		

Để giáo dục giới tính cho học sinh thì hơn ai hết các thầy cô giáo cần được trang bị các kiến thức về giới tính và giáo dục giới tính một cách đầy đủ nhất. Các kiến thức đó phải đảm bảo tính khoa học, chính xác, muốn vậy thì các thầy cô phải được tập huấn, cập nhật thường xuyên.

Kết quả khảo sát cho thấy 75% giáo viên thường xuyên được tập huấn về giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học, chỉ có 25% giáo viên được tập huấn ở mức thỉnh thoảng. Điều này phản ánh rằng công tác bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ giáo viên về GDGT đã được quan tâm nhưng chưa đáp ứng hoàn toàn.

2.2.4.2. Thực trạng mức độ đáp ứng các điều kiện về giáo dục giới tính cho học sinh

Trong quá trình thực hiện giáo dục giới tính cho học sinh ngoài việc xác định mục tiêu, nội dung, nguyên tắc và phương pháp phù hợp, các giáo viên và học sinh rất cần các điều kiện hỗ trợ để kết quả giảng dạy đạt được hiệu quả cao hơn.

Kết quả khi khảo sát về mức độ đáp ứng các điều kiện trong quá trình dạy GDGT được thể hiện qua bảng 2.8.

Bảng 2.8. Mức độ đáp ứng các điều kiện trong quá trình dạy giáo dục giới tính ở trường Tiểu học

STT	Các điều kiện	Mức độ đáp ứng (%)		
		Hoàn toàn đáp ứng	Đáp ứng ở mức cao	Đáp ứng ở mức trung bình
1	Cán bộ quản lí, giáo viên được bồi dưỡng chuyên môn về giáo dục giới tính cho học sinh Tiểu học.	87,5%	12,5%	
2	Giáo viên được tham gia các lớp tập huấn về giáo dục giới tính cho học sinh Tiểu học.	62,5%	12,5%	25%
3	Nhà trường đã xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để giáo dục giới tính cho học sinh toàn trường và từng khối lớp.	87,5%	12,5%	
4	Các điều kiện cơ sở vật chất dành cho hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh của nhà trường (phòng học, tivi, máy chiếu,...).	87,5%	12,5%	
6	Sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong quá trình giáo dục giới tính cho học sinh Tiểu học.	75%	25%	
7	Sự hỗ trợ từ các ban ngành đoàn thể, các tổ chức (xã hội, giáo dục, ...) để nâng cao hiệu quả giáo dục giới tính cho học sinh.	75%	25%	

Bảng 2.8 cho thấy: có 67,5-82,5% giáo viên cho rằng các điều kiện hỗ trợ trong quá trình dạy học hoàn toàn được đáp ứng. Từ sự quan tâm của Ban giám hiệu nhà trường, sự phối hợp với hội cha mẹ học sinh trong việc giáo dục giới tính, nhất là việc nhà trường đã trang bị cơ sở vật chất phục vụ công tác dạy học ...Tuy nhiên có 12,5% giáo viên cho rằng các điều kiện chỉ được đáp ứng ở mức độ cao. Đặc biệt, có 25% giáo viên cho rằng điều kiện tập huấn kiến thức về GDGT mới chỉ đáp ứng ở mức trung bình.

Một số thầy cô giáo cho rằng tại lớp mình dạy có học sinh đã dậy thì, có học sinh chưa dậy thì nên nhận thức của các em chưa đồng đều gây khó khăn trong việc biên soạn nội dung giảng dạy và phương pháp tiếp cận.

Khó khăn khác giáo viên gặp phải đó là học sinh còn nhỏ, mau quên nên việc giáo viên sử dụng các thuật ngữ chuyên môn khiến học sinh khó hiểu, khó nhớ...

Kết luận chương 2

Thông qua việc khảo sát thực trạng giáo dục giới tính cho học sinh khối 5 tại trường Tiểu học Lê Hồng phong chúng tôi nhận thấy mục tiêu giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học nói chung và học sinh lớp 5 nói riêng đã được thực hiện rất tốt tại trường, toàn bộ cán bộ quản lý và giáo viên được khảo sát đều cho thấy việc giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học là rất cần thiết do vậy từ cán bộ quản lý đều thực hiện nghiêm túc các mục tiêu nội dung giáo dục giới tính trong chương trình giáo dục. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện ngoài những thuận lợi thì giáo viên ở trường còn gặp một số khó khăn như chưa được thường xuyên tập huấn nâng cao kiến thức về giáo dục giới tính, tài liệu biên soạn riêng cho nội dung này còn ít, còn thiếu.... học sinh tiểu học còn nhỏ, phát triển chưa đồng đều nên còn có lúc nhớ, lúc quên bài học... Về phía học sinh đa số các em thích thù với tiết học có lồng ghép giáo dục giới tính, tuy nhiên vẫn còn có em chưa thích học nội dung này.

CHƯƠNG 3 - ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP GIÁO DỤC GIỚI TÍNH PHÙ HỢP VỚI THỰC TRẠNG GIÁO DỤC GIỚI TÍNH CỦA TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ HỒNG PHONG

3.1. Các nguyên tắc đề xuất biện pháp

3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mục tiêu

Nội dung nguyên tắc: Việc đưa ra các biện pháp giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học luôn cần đảm bảo hướng tới ba mục tiêu cơ bản, đó là kiến thức, kỹ năng và thái độ. Tất cả các biện pháp tác động phải hướng vào mục đích GDGT đã đặt ra, đó là phát triển toàn diện về nhân cách, cân đối cả phẩm chất và năng lực, cả đức và tài.

Về năng lực: Học sinh cần hiểu được tầm quan trọng của việc GDGT; nhận biết được những kỹ năng cần thiết ở lứa tuổi của mình như kỹ năng chăm sóc cơ thể, kỹ năng phân biệt đúng sai, kỹ năng chống xâm hại tình dục,... Học sinh tiểu học biết vận dụng các kỹ năng và trong đời sống bản thân, với người khác giới và cộng đồng xã hội.

Về phẩm chất: Có ý thức và thái độ tích cực tham gia các hoạt động GDGT một cách chủ động, tự giác.

3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi

Nội dung nguyên tắc: Nguyên tắc này đòi hỏi phải đảm bảo tính thống nhất và tính toàn vẹn của các nhà GD bằng cách phối hợp chặt chẽ hoạt động của các chủ thể bên trong nhà trường cũng như bên ngoài nhà trường theo một kế hoạch, chương trình GDGT thống nhất về mục đích, nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức và phương tiện giáo dục; biết phát huy những mặt mạnh của chủ thể GD.

Biện pháp thực hiện:

- Nhà trường tổ chức phối hợp hoạt động các lực lượng GD trong XH trong mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với nhà trường.
- Phối hợp các kế hoạch chăm sóc, GDGT HS của các tập thể Sư phạm, của hội phụ huynh HS, các đoàn thể XH, các cơ quan văn hóa,....
- Theo dõi chặt chẽ tiến trình GDGT và phải đánh giá nghiêm túc kết quả công tác GDGT.
- Tổ chức tiến hành phổ biến tri thức khoa học GDGT cho cha mẹ HS, cho cán bộ và nhân dân địa phương.

3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học

Nội dung nguyên tắc: Nguyên tắc này đòi hỏi trong quá trình dạy học phải vô tư cho người học những tri thức khoa học chân chính, phản ánh những thành tựu khoa học, công nghệ và văn hóa hiện đại, phải dần dần giúp học sinh tiếp cận với những phương pháp học tập, nhận thức, thói quen suy nghĩ và làm việc một cách khoa học. Thông qua đó mà dần dần hình thành cơ sở thể giới quan khoa học, tình cảm và những phẩm chất đạo đức cao quý của con người hiện đại.

Day học không chỉ làm phát triển lý trí của con người và cung cấp cho người học một khối lượng kiến thức nào đó, mà phải làm cháy lên ở họ lòng khát khao học tập một cách nghiêm túc.

3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống

Nội dung nguyên tắc: Nguyên tắc này đòi hỏi phải tiến hành một cách lâu dài, có hệ thống công tác GDGT và việc hình thành từng phẩm chất nói riêng cho HS phải dựa vào những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo, thói quen, kinh nghiệm sống của các em. GDGT phải thực hiện theo từng bước, từng khối, từng cấp, phải tiến hành liên tục và thường xuyên.

Biện pháp thực hiện:

- Nội dung giáo dục phải được xây dựng theo kiểu đồng tâm và mở rộng.
- Trong suốt quá trình GD, mỗi phẩm chất được hình thành phải luôn được củng cố, nhắc lại ghi nhớ nhiều lần.
- Thực hiện GDGT liên tục, thường xuyên, ở mọi nơi, mọi lúc và do mọi người, qua mọi việc; kết hợp chặt chẽ GD trên lớp và ngoài lớp, trong trường và ngoài trường, gia đình và XH.

3.2. Đề xuất một số biện pháp giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học

Căn cứ vào tình hình thực tế giáo dục giới tính và nhận thức của học sinh khối 5 tại trường tiểu học Lê Hồng Phong. Dựa trên nguyên tắc đề xuất các biện pháp chúng tôi đưa ra một số biện pháp sau:

3.2.1. Nâng cao nhận thức cho học sinh tiểu học về ý nghĩa và tầm quan trọng của giáo dục giới tính

Mục tiêu cụ thể của biện pháp này là làm cho 100% HS trong nhà trường có hứng thú với việc học nội dung giáo dục GT. Đảm bảo 100% số HS có những hiểu biết cơ bản về giáo dục giới tính, coi giáo dục giới tính là một nội dung giáo dục toàn diện cho học sinh trong nhà trường.

Để nâng cao nhận thức cho HS trong nhà trường, cần tập trung vào một số nội dung: trang bị, cung cấp các kiến thức cơ bản về giới và giới tính, những nội dung cơ bản của giáo dục giới tính và ý nghĩa của giáo dục giới tính đối với học sinh TH trong giai đoạn hiện nay. Bên cạnh đó BGH nhà trường ngoài việc nhận thức được tầm quan trọng của việc giáo dục giới tính cần thực hiện công tác giáo dục giới tính thông qua các hoạt động ngoài giờ thường xuyên hơn.

3.2.2. Đa dạng hoá các phương pháp, hình thức hoạt động giáo dục giới tính phù hợp với học sinh lớp 5.

Đa dạng hóa các phương pháp, hình thức hoạt động là công tác GDGT không hướng vào từng học sinh riêng lẻ mà phải tổ chức toàn bộ hoạt động của tập thể học sinh, xây dựng cho học sinh năng lực biết điều khiển tập thể hoạt động theo kế hoạch đã vạch ra, biết giải quyết các tình huống nảy sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, biết kiểm tra điều chỉnh hoạt động cho phù hợp với tình hình thực tế, biết nhận xét, đánh giá ưu điểm, khuyết điểm và biết rút kinh nghiệm để lần sau làm tốt hơn.

Nhà trường cần phải tổ chức các chương trình hoạt động GDGT phong phú đa dạng, phù hợp với tâm sinh lý, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của HS tiểu học nói chung và học sinh lớp 5 nói riêng, tạo nên sự hấp dẫn thu hút HS tham gia tự giác, tích cực tham gia vào các hoạt động đó.

Đối với các hoạt động ngoài giờ lên lớp nhà trường và giáo viên có thể thực hiện các hoạt động như sau:

Thiết lập hộp thư: “Điều em muốn nói”

Mỗi lớp học có một hộp thư: "Điều em muốn nói" (có thể làm bằng hộp giấy, hộp nhôm kính,...). Chiếc hộp này được trang trí một cách bắt mắt, gồm nhiều hình ảnh ngộ nghĩnh, đáng yêu. Với chiếc hộp này các em có thể gửi những thắc mắc của mình hay đơn giản chỉ là những suy nghĩ của các em về bạn bè, về học tập,...

Hàng tháng, giáo viên chủ nhiệm sẽ mở hộp ra và giải đáp những thắc mắc của các em, chia sẻ với các em về học tập, tình cảm bạn bè, gia đình,... một cách thân thiện, cởi mở, gần gũi; giúp các em cảm thấy vững tin hơn, vui vẻ hơn. Từ đó thúc đẩy hiệu quả học tập cho các em.

Thực hiện giáo dục giới tính thông qua hoạt động tuyên truyền, sinh hoạt tập thể của học sinh

Thực hiện GDGT thông qua hoạt động tuyên truyền, sinh hoạt tập thể học sinh là một hình thức không thể thiếu để thực hiện GDGT cho học sinh tiểu học. Qua đây học sinh sẽ tiếp thu được những kiến thức đầy đủ, đúng đắn và với lời khuyên kịp thời, dễ chấp nhận; từ đó xác định đúng thái độ và có quyết định phù hợp với từng hoàn cảnh. Hình thức này được thực hiện như sau:

- Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, trao đổi, thảo luận, phổ biến kinh nghiệm về phương pháp GDGT cho học sinh; các hình thức tổ chức GD sinh động, có khả năng khắc sâu kiến thức; cách phát hiện và xử lý các tình huống khác, trong quan hệ khác giới; cách khai thác thông tin; cách quản lý thời gian biểu và thực hiện nội quy cũng như nhiệm vụ học tập của HS, cách phối hợp với các lực lượng GD khác....

- Suru tầm, cung cấp các tài liệu liên quan đến công tác GDGT để GV tự nghiên cứu như: tài liệu cung cấp kiến thức cơ bản về GDGT; các tranh ảnh, băng hình, mẫu vật, biểu bảng, số liệu,...có liên quan; văn bản về chủ trương, đường lối, của ngành giáo dục về công tác GDGT.... Đây là những căn cứ có tính pháp quy, là "cái gậy" chống để GV có đủ cơ sở pháp lý khi thực hiện GDGT trong nhà trường. Sau đó, hiệu trưởng có thể tổ chức tọa đàm, hoặc yêu cầu GV viết thu hoạch.

3.2.3. Phối hợp tích cực giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc GDGT cho học sinh.

Tham gia công tác GD học sinh không chỉ có GV mà còn rất nhiều lực lượng GD trong và ngoài nhà trường. Lực lượng GD trong nhà trường là Đoàn TNCS HCM, Đội TNTP.HCM,...

Thống nhất các lực lượng về mục tiêu, nội dung giáo dục giới tính cho học sinh TH. Thống nhất về kế hoạch, cách thức triển khai các hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh TH. Thống nhất về các hình thức tổ chức hoạt động giáo

giáo dục giới tính cho học sinh THCS và trách nhiệm của mỗi lực lượng tham gia giáo dục giới tính cho học sinh THCS.

Đối với gia đình, nhà trường cần trao đổi với phụ huynh về cách nói chuyện, giáo dục giới tính với con. Thậm chí cũng nên mời cha mẹ học sinh tham gia các buổi nói chuyện cùng chuyên gia.

Gia đình phải tổ chức cuộc sống và hoạt động của các em sao cho các em luôn luôn có điều kiện tiếp xúc với môi trường, hình thành ở các em tình cảm thân thiện với bạn bè và giảng giải cho các em những quy tắc, chuẩn mực đạo đức phù hợp với lứa tuổi.

Đối với các lực lượng xã hội, cần tuyên truyền và liên kết mở các khóa tập huấn về giáo dục giới tính cho nhân dân và trẻ em. Treo khẩu hiệu và hậu quả khôn lường để phòng tránh.

Đối với học sinh: Sản phẩm của quá trình GDGT là sự chuyển biến trong ý thức, kỹ năng, thái độ và hành vi của học sinh. Để đạt được sự chuyển biến đó, ngoài sự giúp đỡ của giáo viên, mỗi học sinh phải tự rèn luyện kỹ năng, thái độ của mình trong quan hệ với bạn bè xung quanh.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Qua quá trình nghiên cứu, đề tài đã thu được một số kết quả chính như sau:

- Bước đầu hệ thống hóa các vấn đề lí luận của việc giáo dục giới tính ở nhà trường Tiểu học nói chung và học sinh lớp 5 nói riêng.

- Đã khảo sát thực trạng giáo dục giới tính cho học sinh lớp 5 ở trường Tiểu học Lê Hồng Phong, Thành phố Ninh Bình:

- + 48% học sinh cảm thấy thích khi học về GDGT, 49% học sinh cảm thấy bình thường và 3% học sinh cảm thấy không thích;

- + 100% các cán bộ và giáo viên đều nhận thức được việc giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học là rất cần thiết, các mục tiêu, nội dung, hình thức được các giáo viên thực hiện thường xuyên và rất thường xuyên. Các giáo viên mong muốn được tập huấn nhiều hơn nữa về các kiến thức và phương pháp để giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học. Tuy nhiên, việc sử dụng các phương pháp dạy học GDGT cho học sinh còn đang hạn chế, chưa sử dụng linh hoạt các phương pháp tích cực; chưa thường xuyên tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục giới tính theo hình thức hoạt động ngoài giờ lên lớp.

- Đã đề xuất 03 biện pháp mang tính khoa học, đồng bộ và khả thi nhằm nâng cao hiệu quả GDGT cho học sinh lớp 5 tại trường tiểu học Lê Hồng Phong. Mỗi biện pháp có ý nghĩa và chức năng khác nhau nhưng giữa chúng có sự liên hệ, tác động qua lại lẫn nhau vì vậy cần phải thực hiện các biện pháp trên một cách đồng bộ. Đặc biệt là việc sử dụng linh hoạt các phương pháp tích cực trong quá trình dạy học và tổ chức giáo dục giới tính qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp cần thường xuyên và đa dạng.

2. Kiến nghị

Tăng cường tổ chức các buổi sinh hoạt ngoại khóa, mời các chuyên viên tâm lí về nói chuyện, trao đổi với các em đồng thời phối hợp với gia đình và các tổ chức xã hội để cùng giáo dục giới tính cho học sinh.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Thị Thanh Bình (2023), Vai trò của gia đình trong giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học hiện nay, Tạp chí Giáo dục và Xã hội, NXB Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.
2. Bùi Ngọc Oánh (2008), Tâm lý học giới tính và giáo dục giới tính, NXB Giáo dục TP HCM.
3. Nguyễn Thị Thu Hằng (2022), Giáo dục giới tính và phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
4. Nguyễn Thị Thanh Hải, Sự cần thiết tổ chức hoạt động giáo dục giới tính trong trường học, Phòng giáo dục và đào tạo Kim Thành.
5. Bùi Ngọc Oánh (2008), Tâm lý học giới tính và giáo dục giới tính, NXB Giáo dục TP HCM.
6. Hoàng Quý Tình (chủ biên), Đặng Út Phượng, Trần Thị Kim Liên (2019), Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.
7. Trần Trọng Thủy, Sinh lý trẻ em lứa tuổi tiểu học (dự án).
8. Hà Lan, Thụy Điển giáo dục giới tính từ mẫu giáo, Báo tuổi trẻ, <<https://tuoitre.vn/ha-lan-thuy-dien-giao-duc-gioi-tinh-tu-mau-giao-1283144.htm>>, xem 9/12/2024.
http://kt-thdonggia.haiduong.edu.vn/xem_trang_tin.aspx?id=407
9. Thực trạng hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh tại các trường tiểu học công lập trên địa bàn quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Tạp chí giáo dục, <<https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/907>>, xem 9/12/2024.
10. Thực trạng nhận thức giới tính của học sinh trường tiểu học VHV, Thành phố Hồ Chí Minh, Tạp chí khoa học quản lý giáo dục. <<https://tapchikhqlgd.edu.vn/wp-content/uploads/2023/11/07-NguyenThuyHanh.pdf>>, xem 9/12/2024.
11. Tích hợp giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học trong dạy học chủ đề “Con người và sức khỏe” môn Khoa học ở tiểu học <http://vjes.vnies.edu.vn/sites/default/files/khgdvn_-_tap_20_-_so_03_-_53-57.pdf>, xem 9/12/2024.
12. World Health Organization (WHO) (2022), Standards for Sexuality Education in Europe, WHO Regional Office for Europe.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

PHIẾU KHẢO SÁT NHẬN THỨC VỀ GIỚI TÍNH VÀ GIÁO DỤC GIỚI TÍNH CỦA HỌC SINH

(Để nghiên cứu Thực trạng giáo dục giới tính cho học sinh lớp 5 tại trường Tiểu học Lê Hồng Phong- Thành phố Ninh Bình, các em hãy dành chút thời gian cho ý kiến về những vấn đề dưới đây. Hãy khoanh tròn chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1: Thai nhi được phát triển trong bộ phận nào của người mẹ?

- A. Dạ Dày
- B. Tử cung
- C. Tim

Câu 2: Cơ thể con người được hình thành từ đâu?

- A. Từ sự kết hợp của bố và mẹ
- B. Từ việc ăn uống và lớn lên
- C. Từ trong bụng mẹ mà không cần bố

Câu 3: Thai nhi phát triển trong bụng mẹ trong khoảng thời gian bao lâu?

- A. Khoảng 9 tháng 10 ngày
- B. 3 tháng
- C. 1 năm

Câu 4: Hãy chọn thứ tự đúng của các giai đoạn phát triển:

- A. Em bé → Người già → Thanh niên → Trẻ em
- B. Em bé → Trẻ em → Thanh niên → Người già
- C. Thanh niên → Trẻ em → Người già → Em bé

Câu 5. Giai đoạn nào con người phát triển nhanh nhất về thể chất?

- A. Tuổi dậy thì
- B. Tuổi trung niên
- C. Tuổi già

Câu 6: Dấu hiệu nào sau đây là đặc điểm của tuổi dậy thì ở nam giới?

- A. Cao nhanh, mọc lông nách, thay đổi giọng nói
- B. Không thay đổi gì
- C. Ngủ ít hơn

Câu 7: Cơ quan sinh dục của nam và nữ có giống nhau không?

- A. Giống hoàn toàn
- B. Khác nhau
- C. Không có cơ quan sinh dục

Câu 8: Ở tuổi dậy thì, sự thay đổi của nam và nữ khác nhau như thế nào?

- A. Nam có râu, giọng trầm; nữ có kinh nguyệt

- B. Nam và nữ đều mọc tóc dài
- C. Nam và nữ đều không thay đổi

Câu 9: Khi chơi hoặc học cùng bạn khác giới, em nên:

- A. Tôn trọng, cư xử lịch sự với bạn.
- B. Trêu chọc cho vui.
- C. Không chơi cùng.

Câu 10: Việc nào giúp giữ vệ sinh cơ thể sạch sẽ ở tuổi dậy thì?

- A. Tắm rửa, thay quần áo hằng ngày
- B. Không tắm để tiết kiệm nước
- C. Mặc đồ ẩm

Câu 11: Tập thể dục thường xuyên giúp:

- A. Cơ thể khỏe mạnh và dẻo dai
- B. Mệt mỏi hơn
- C. Không có tác dụng

Câu 12: Vì sao cần ngủ đủ giấc ở tuổi dậy thì?

- A. Giúp cơ thể phát triển tốt và tinh thần thoải mái
- B. Để không phải học
- C. Để béo hơn

Câu 13: Hành vi nào sau đây là xâm hại cơ thể?

- A. Ôm, hôn, sờ vào vùng kín của người khác khi chưa được phép
- B. Bắt tay
- C. Chào hỏi

Câu 14: Nếu có người muốn chạm vào vùng kín của em, em nên:

- A. Nói "không", chạy đi và kể cho người lớn tin cậy
- B. Giữ im lặng
- C. Cho phép để họ vui

Câu 15: Khi bị người khác đe dọa, em nên:

- A. Kể với cha mẹ, thầy cô hoặc người đáng tin cậy
- B. Giữ bí mật
- C. Nói với bạn bè

Câu 16: Cảm nhận của em khi học về giáo dục giới tính?

- A. Thích
- B. Bình thường
- C. Không thích

Cảm ơn câu trả lời của em!

PHỤ LỤC 2

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN (Dành cho cán bộ quản lý, giáo viên)

Kính thưa Thầy/Cô!

Để nghiên cứu Thực trạng giáo dục giới tính cho học sinh lớp 5 tại trường Tiểu học Lê Hồng Phong- Thành phố Ninh Bình, xin Thầy/Cô dành chút thời gian cho ý kiến về những vấn đề dưới đây. Đối với câu hỏi đã có sẵn phương án trả lời, xin Thầy/Cô đánh dấu X vào phương án lựa chọn; với những câu chưa có phương án trả lời mong Thầy/Cô ghi ý kiến vào khoảng trống.

Tôi xin cam đoan những ý kiến trả lời của Thầy/Cô chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu, không sử dụng vào mục đích khác.

Xin trân trọng cảm ơn Thầy/Cô!

I. Thông tin chung

Xin Thầy/Cô cho biết một số thông tin cá nhân:

1. Số năm Công tác:

2. Trình độ:

a) Cao đẳng

b) Đại học

c) Trên đại học

d) Trình độ khác (Thầy/Cô ghi rõ):.....

3. Tuổi:

4. Giới tính:

5. Chức vụ:.....

II. Nội dung

Câu 1: Theo Thầy (Cô), giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học là rất cần thiết.

A. Hoàn toàn không đồng ý

B. Không đồng ý

C. Phân vân

D. Đồng ý

E. Hoàn toàn đồng ý

Câu 2: Thầy/Cô hãy tự đánh giá về mức độ thực hiện các mục tiêu của giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học trong giai đoạn hiện nay:

STT	Mục tiêu của việc Giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học	Mức độ thực hiện				
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ

1	Giáo dục giới tính góp phần giáo dục toàn diện về mặt phẩm chất, hành vi đạo đức, nhân cách của học sinh.					
2	Giáo dục giới tính giúp trẻ sống đúng với giới tính của mình.					
3	Giúp các em biết cách chăm sóc, bảo vệ cơ thể khi các em bước vào tuổi dậy thì.					
4	Giúp các em trân trọng giá trị của bản thân, từ đó biết quý trọng người khác.					
5	GDGT giúp các em biết bảo vệ bản thân khỏi những cám dỗ xâm hại bên ngoài, cũng như biết tôn trọng thân thể người khác. Đó là quá trình giúp các em hoàn thiện nhân cách, an toàn cho bản thân.					
6	GDGT giúp các em trang bị đầy đủ kiến thức về tâm sinh lý trước sự phát triển của cơ thể, về nhận thức để định hình các nhân cách, tạo sức mạnh nội tâm, giáo dục những hiểu biết về tâm sinh lý, vệ sinh tuổi dậy thì, những biến đổi khác biệt					

	về tính cách em trai em gái do các hoocmon từ các tuyến sinh dục gây ra.					
7	Giúp các em có khả năng xử lý các tình huống trong cuộc sống, có ý thức bảo vệ sức khỏe, phòng tránh tai nạn, phòng ngừa bạo lực và tệ nạn xã hội.					
8	GDGT giúp giáo dục kỹ năng giao tiếp ứng xử trong quan hệ bạn trai, bạn gái trước thềm tuổi vị thành niên với cha mẹ, anh em trong gia đình; hiểu biết sâu sắc các giá trị của tình bạn, tình yêu, hiểu biết những thất bại tâm lý và các nguy hại lâu dài phải gánh chịu nếu vượt quá giới hạn.					
9	Giáo dục kỹ năng phòng vệ trước các áp lực nội tại đến từ hai phía đặc biệt giáo dục kỹ năng phòng, chống xâm hại tình dục cho các em, GDGT, không chỉ dạy cho người trẻ những điều cơ bản về sự phát triển của tuổi dậy thì mà còn cung cấp nhận thức về quyền quyết định muốn hay không muốn làm điều gì, chẳng hạn từ chối tham gia vào những hoạt động xâm hại hay					

	lạm dụng tình dục không mong muốn.					
--	------------------------------------	--	--	--	--	--

Câu 3: Thầy/Cô hãy tự đánh giá về mức độ thực hiện nguyên tắc của việc giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học trong giai đoạn hiện nay.

STT	Nguyên tắc của việc giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học	Mức độ thực hiện				
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ
1	GDGT phải gắn liền với giáo dục đạo đức, giáo dục nhân cách, hình thành thế giới quan khoa học. GDGT phải gắn liền với việc giáo dục và hình thành nếp sống sinh hoạt lành mạnh, lối sống văn hóa văn minh. Đó chính là một trong những mục tiêu cơ bản của GDGT.					
2	GDGT cần phải được thực hiện một cách					

	toàn diện cả về sinh lý giới tính, tâm lý tâm sinh lý giới tính, thẩm mỹ giới tính, xã hội giới tính không nên chỉ tập trung vào những vấn đề sinh lý tính dục mà coi nhẹ các vấn đề tâm lý xã hội giới tính.					
3	Phải kết hợp việc giảng dạy tri thức khoa học với việc hình thành thái độ đúng đắn. Bởi khi giảng dạy những vấn đề nhạy cảm không nên chỉ tập trung mô tả các sự kiện, hiện tượng một cách “trần trụi”, “sống sượng” mà cần chú ý kết hợp với việc hình thành ý thức đạo đức, phê phán những					

	biểu hiện sai trái.					
4	Phải kết hợp việc truyền thụ những tri thức lý luận với những kiến thức thực tiễn, nhất là những vấn đề thực tiễn trong đời sống sinh hoạt của các em.					
5	GDGT phải được thực hiện một cách phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của lứa tuổi, của từng bậc học, lớp học, của yêu cầu giáo dục đặc trưng thích hợp với đối tượng phải phù hợp với phong tục tập quán, của từng vùng miền, từng địa phương.					

Câu 4: Thầy/cô đánh giá như thế nào về mức độ thực hiện của bản thân về các nội dung giáo dục giới tính cho học sinh?

STT	Các nội dung	Mức độ thực hiện				
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ
1	Nêu được ý nghĩa của sự sinh sản ở người; phân biệt được đặc điểm sinh học và đặc điểm xã hội của nam và nữ.					
2	Thể hiện được thái độ và thực hiện tôn trọng các bạn cùng giới và khác giới.					
3	Sử dụng được sơ đồ và một số thuật ngữ (trứng, tinh trùng, sự thụ tinh,...) để trình bày quá trình hình thành cơ thể người; phân biệt được một số giai đoạn phát triển chính của con người (tuổi ấu thơ, tuổi dậy thì, tuổi trưởng thành,...).					
4	Nêu và thực hiện được những việc cần làm để chăm sóc, bảo vệ sức khỏe về thể chất và tinh thần ở tuổi dậy thì.					

5	Giải thích được sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể, đặc biệt là ở tuổi dậy thì.					
6	Có ý thức và kĩ năng thực hiện vệ sinh cơ thể, đặc biệt là vệ sinh cơ quan sinh dục ngoài.					
7	Nói được về cảm giác an toàn và quyền được an toàn, bảo vệ sự toàn vẹn của cá nhân và phản đối mọi sự xâm hại.					
8	Trình bày được những nguy cơ dẫn đến bị xâm hại tình dục và cách phòng tránh, ứng phó khi có nguy cơ bị xâm hại.					
9	Lập được danh sách những người đáng tin cậy để được giúp đỡ khi cần.					
10	Đưa ra được yêu cầu giúp đỡ khi bản thân hoặc bạn bè có nguy cơ bị xâm hại.					

Câu 5: Ở trường Tiểu học Lê Hồng Phong, trong quá trình dạy giáo dục giới tính cho học sinh, thầy (cô) đã sử dụng các phương pháp dạy học dưới đây ở mức độ nào?

STT	Các phương pháp	Mức độ đáp ứng (%)				
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ
1	Phương pháp công não (động não)					
2	Phương pháp thảo luận nhóm					
3	Phương pháp trực quan					
4	Phương pháp trò chơi					
5	Phương pháp đóng vai xử lý tình huống					
6	Phương pháp trò chuyện					

Câu 6: Ở trường Tiểu học Lê Hồng Phong, trong quá trình dạy giáo dục giới tính cho học sinh, ở hoạt động ngoài giờ lên lớp, thầy (cô) đã tổ chức các hoạt động nào dưới đây và ở mức độ nào?

STT	Các hoạt động	Mức độ đáp ứng (%)				
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ
1	Tổ chức cho HS nghe nói chuyện về GDGT					
2	Tổ chức hội thi thuyết trình, hùng biện trong phạm vi toàn trường					
3	Thi sáng tác tranh ảnh, viết văn, thơ, soạn kịch bản đề tài GDGT					
4	Thi văn nghệ: múa hát, đóng kịch, kể chuyện					
5	Thi hái hoa dân chủ tìm hiểu về giới tính, tâm lý lứa tuổi					
6	Các hoạt động khác					

Câu 7: Ở trường Tiểu học Lê Hồng Phong, trong quá trình dạy giáo dục giới tính cho học sinh, những điều kiện sau đã được đáp ứng ở mức độ nào?

STT	Các điều kiện	Mức độ đáp ứng				
		Hoàn toàn đáp ứng	Đáp ứng ở mức cao	Đáp ứng ở mức trung bình	Đáp ứng ở mức thấp	Hoàn toàn không đáp ứng
1	Cán bộ quản lý coi trọng việc giáo dục giới tính cho học sinh.					
2	Cán bộ quản lý, giáo viên được bồi dưỡng chuyên môn về giáo dục giới tính cho học sinh Tiểu học.					
3	Giáo viên được tham gia các lớp tập huấn về giáo dục giới tính cho học sinh Tiểu học.					
4	Nhà trường đã xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để giáo dục giới tính cho học sinh toàn trường và từng khối lớp.					

5	Các điều kiện cơ sở vật chất dành cho hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh của nhà trường (phòng học, tivi, máy chiếu,...).					
6	Sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong quá trình giáo dục giới tính cho học sinh Tiểu học.					
7	Sự hỗ trợ từ các ban ngành đoàn thể, các tổ chức (xã hội, giáo dục,...) để nâng cao hiệu quả giáo dục giới tính cho học sinh.					

Những điều kiện khác:

.....

.....

.....

Câu 6: Thầy/Cô được tập huấn về giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học ở mức độ nào sau đây?

- A. Rất thường xuyên
- B. Thường xuyên
- C. thỉnh thoảng
- D. Hiếm khi

E. Không bao giờ

Câu 7: Ở trường Tiểu học Lê Hồng Phong, trong quá trình giáo dục giới tính cho học sinh, Thầy/Cô gặp những điều kiện thuận lợi và khó khăn nào?

a) Thuận lợi:

.....

.....

.....

b) Khó khăn:

.....

.....

.....

Câu 8: Thầy (Cô) có đề xuất gì để nâng cao chất lượng giáo dục giới tính cho học sinh Tiểu học? .

.....

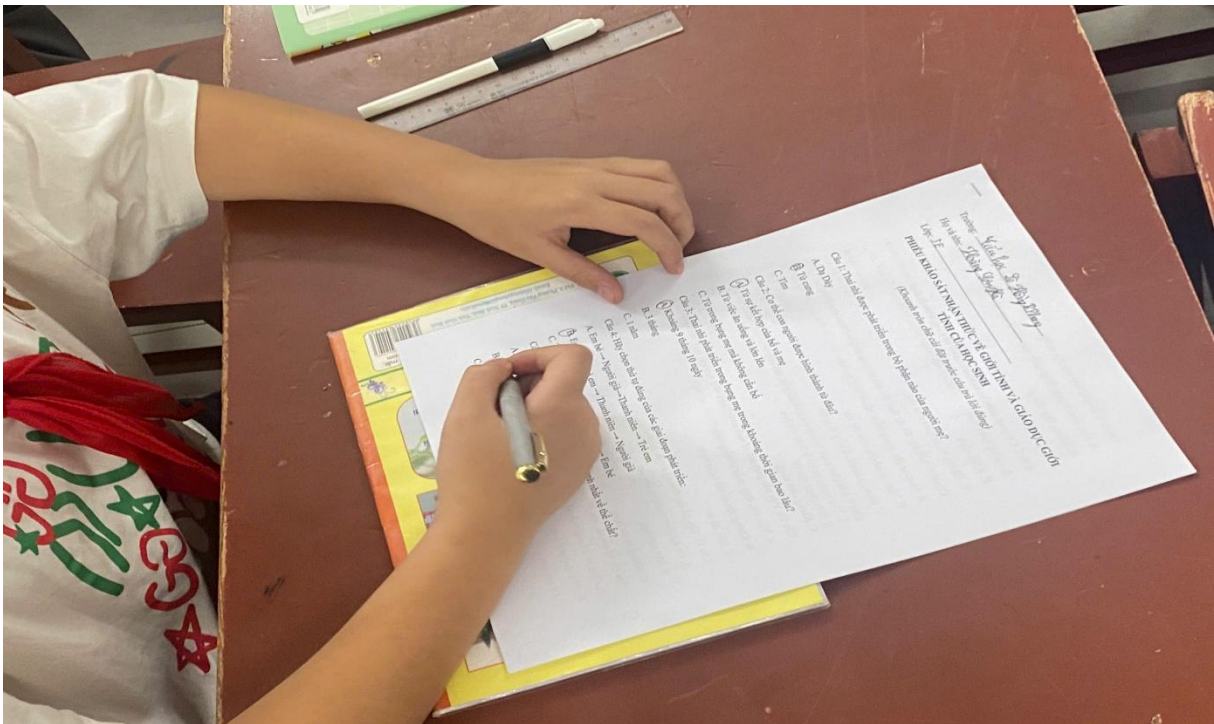
.....

.....

PHỤ LỤC 3: Một số hình ảnh học sinh tại trường tiểu học Lê Hồng Phong



Hình 1. Học sinh đang tiến hành làm khảo sát



Hình 2. Một bạn học sinh đang thực hiện bài khảo sát

